

# Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



# Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

## DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter from Sunshine Health, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc theo toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

### Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng ngừa và được Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1A** - Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1B** - Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

## Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Pharmacy Services sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

### Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn về Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đòi hỏi cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đòi hỏi cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đòi hỏi.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đòi hỏi cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đòi hỏi cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đòi hỏi trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đòi hỏi.
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

### Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu “**Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày**” cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong bất kỳ khoảng thời gian 28 ngày nào và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong bất kỳ khoảng thời gian 90 ngày nào. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders</b>		
<b>Amphetamines</b>		
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG</i>	1B	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1B	
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
<i>methamphetamine hcl</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
VYVANSE CAPS	3	QL(1 ea daily); ST
<b>Anorexiants Non-Amphetamine</b>		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
<b>Anti-Obesity Agents</b>		
CONTRACE	3	QL(4 ea daily); PA
<b>Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents</b>		
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1B	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<b>Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)</b>		
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA
<b>Stimulants - Misc.</b>		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CP24 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1B	
<i>methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG</i>	1B	AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate PTCH</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<b>ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC</b>		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
<b>AMEBICIDES</b>		
Amebicides		
SOLOSEC	3	PA
<b>AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ml per 56 day(s) retail; 280 ml per 56 days mail); PA
<b>ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions</b>		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ TB24	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA	HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA	HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
Antirheumatic Antimetabolites			HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
METHOTREXATE	4	QL(1.714 ea daily); SP; PA	HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies			HUMIRA PEN PNKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	Gold Compounds		
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS/UVEITIS AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA	Interleukin-1 Blockers		
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.072 ea daily); PA	Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	4	QL(0.072 ea daily); PA	KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA	KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
<i>etodolac CAPS</i>	1B	
<i>etodolac TABS</i>	1B	
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); ST
<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1B	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	
<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CPR</i>	1B	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(0.667 ea daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 ea daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>nabumetone</i>	1B	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
<i>naproxen TABS</i>	1B	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1B	
<i>piroxicam CAPS</i>	1B	
<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
Otezla TABS	4	QL(2 ea daily); PA
Otezla TBPK	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
Otezla TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ml daily); PA
<b>ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions</b>		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Salicylates</b>			HYSINGLA ER T24A	3	QL(2 ea daily)
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B	
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A		<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>diflunisal TABS</i>	1B		<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>salsalate</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ml daily)
<b>ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions</b>			<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B	
<b>Opioid Agonists</b>			<i>methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ml daily)
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	METHADONE HCL SOLN IJ	1B	
CODEINE SULFATE TABS	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 ea daily)
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 ea daily)	<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydrocodone bitartrate T24A</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B		<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA			
<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA			



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>morphine sulfate TABS 15 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>morphine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
NUCYNTA ER TB12	2	QL(2 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
NUCYNTA TABS	2	QL(6 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxycodone hcl TABA</i>	3	QL(12 ea daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
ROXYBOND TABA 15 MG, 30 MG	3	QL(12 ea daily)	<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	3	QL(8 ea daily); PA			
SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 ea daily); PA			
SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 ea daily); PA			
<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)			
<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 ea daily)			
XTAMPZA ER	2	QL(2 ea daily)			
<b>Opioid Combinations</b>					
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 ea daily)
<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
<b>Opioid Partial Agonists</b>		
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ml daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
<i>nalbuphine hcl</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<b>ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Anabolic Steroids</b>		
<i>oxandrolone</i>	1B	
<b>Androgens</b>		
<i>ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR</i>	2	QL(1 ea daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
<i>METHITEST TABS</i>	3	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
<i>TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML</i>	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
<b>ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching</b>		
<b>Intrarectal Steroids</b>		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
<i>UCERIS (budesonide (intrarectal))</i>	4	PA
<b>Rectal Steroids</b>		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	RX/OTC
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
<b>Vasodilating Agents</b>		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>RECTIV (nitroglycerin (intra-anal))</i>	3	QL(2 gm daily)
<b>ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections</b>		
<b>Anthelmintics</b>		
<i>albendazole</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EMVERM CHEW	2	QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail
<i>ivermectin</i>	1B	QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1B	PA
<b>ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain</b>		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1B	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
<b>ANTIANGXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety</b>		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>buspirone hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>buspirone hcl 5 MG</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1B	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1B	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1B	
<i>meprobamate</i>	1B	QL(6 ea daily)
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1B	
<i>alprazolam TBDP</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1B	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1B	
<i>diazepam CONC</i>	1B	
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>diazepam TABS</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1B	
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1B	
<b>ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms</b>		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	
<i>dofetilide</i>	1B	
<b>ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions</b>		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ml daily); PA
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 ea daily); PA
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ml daily); PA
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ml daily); PA
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 ea daily); PA
XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ml daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
ATROVENT HFA	3	Limit 2 inhalers per month; QL(0.44 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 ea daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ml daily)
SPIRIVA HANDIHALER CAPS ( <i>tiotropium bromide monohydrate</i> )	2	QL(1 ea daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>zileuton TB12</i>	1B	QL(4 ea daily)
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)
Steroid Inhalants		
ALVESCO	3	3 package(s) per 30 day(s) retail; 9 package(s) per 90 day(s) mail; PA
ARNUITY ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B	
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
QVAR REDIHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
Sympathomimetics			<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B		<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML</i>	1B		<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ml daily)
<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML</i>	1B	QL(15 ml daily)	<i>levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML</i>	1B	
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B		<i>levalbuterol hcl</i>	1B	QL(12 ml daily)
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B		<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 gm daily)
ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)	SEREVENT DISKUS	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ml daily)	STIOLTO RESPIMAT	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
BREO ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	STRIVERDI RESPIMAT	2	
BREO ELLIPTA ( <i>fluticasone furoate-vilanterol</i> )	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B	
BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)	<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B	
<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail	TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
DULERA	2		Xanthines		
			<i>aminophylline SOLN</i>	1B	
			<i>theophylline ELIX</i>	1B	
			<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ml daily)
			<i>theophylline TB12</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>theophylline TB24</i>	1B	
<b>ANTICOAGULANTS - Blood Thinners</b>		
Coumarin Anticoagulants		
<i>warfarin sodium TABS</i>	1B	
Direct Factor Xa Inhibitors		
ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 day(s) retail; 900 ml per 30 days mail)
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)
Heparins And Heparinoid-Like Agents		
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ml daily)
<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ml daily); SP
<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ml daily)
<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML, 7.5 MG/0.6ML, 10 MG/0.8ML</i>	4	SP

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ml per 180 day(s) retail; 4 ml per 180 days mail); SP
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
Thrombin Inhibitors		
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B	
<b>ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures</b>		
AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA
Anticonvulsants - Benzodiazepines		
<i>clobazam SUSP</i>	1B	QL(16 ml daily); PA
<i>clobazam TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>clonazepam TABS</i>	1A	
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail
NAYZILAM	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA	<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1B	
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA	<i>lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML</i>	1B	QL(40 ml daily)
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 day(s) retail); PA	<i>lacosamide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
Anticonvulsants - Misc.			<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1B	QL(20 ea daily)
APTIOM	3	QL(2 ea daily); ST	<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1B	QL(100 ea daily)
BANZEL TABS 400 MG ( <i>rufinamide</i> )	2	QL(8 ea daily); PA	<i>lamotrigine TABS</i>	1B	
BANZEL TABS 200 MG ( <i>rufinamide</i> )	2	QL(2 ea daily); PA	<i>lamotrigine TBDP</i>	1B	QL(1 ea daily)
BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	3	QL(20 ml daily); PA	<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1B	QL(30 ml daily)
BRIVIACT TABS	3	QL(2 ea daily); PA	<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>carbamazepine CHEW</i>	1B		<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1B		<i>levetiracetam TB24</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>carbamazepine SUSP</i>	1B		<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>carbamazepine TABS</i>	1B		<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
DIACOMIT CAPS 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA	<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ml daily); PA
DIACOMIT CAPS 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA	<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1B	
DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA	<i>rufinamide SUSP</i>	1B	QL(80 ml daily); PA
DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA	<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1B	QL(8 ea daily); PA
EPIDIOLEX	3	PA	<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>gabapentin CAPS</i>	1B		TEGRETOL SUSP ( <i>carbamazepine</i> )	2	
<i>gabapentin SOLN</i>	1B	QL(60 ml daily)	TEGRETOL TABS ( <i>carbamazepine</i> )	2	



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>topiramate CS24</i>	3	PA
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>zonisamide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<b>Carbamates</b>		
<i>felbamate SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<b>GABA Modulators</b>		
<i>tiagabine hcl</i>	1B	
<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<b>Hydantoins</b>		
DILANTIN	2	
DILANTIN ( <i>phenytoin sodium extended</i> )	2	
DILANTIN INFATABS CHEW ( <i>phenytoin</i> )	2	
DILANTIN-125 SUSP ( <i>phenytoin</i> )	2	
<i>fosphenytoin sodium</i>	1B	
<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1B	
<i>phenytoin CHEW</i>	1B	
<i>phenytoin SUSP</i>	1B	
<b>Succinimides</b>		
CELONTIN ( <i>methsuximide</i> )	3	QL(4 ea daily)
<i>ethosuximide CAPS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>ethosuximide SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methsuximide</i>	1B	QL(4 ea daily)
ZARONTIN CAPS ( <i>ethosuximide</i> )	2	QL(6 ea daily)
<b>Valproic Acid</b>		
<i>divalproex sodium TB24</i>	1B	
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1B	
<i>valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	1B	
<i>valproic acid CAPS</i>	1B	
<b>ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression</b>		
<b>Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)</b>		
<i>mirtazapine TABS 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 30 MG</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 45 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 15 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<b>Antidepressants - Misc.</b>		
<i>bupropion hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>bupropion hcl TB24 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>bupropion hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<b>Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)</b>		
EMSAM	3	QL(1 ea daily)
MARPLAN	2	QL(6 ea daily)
<i>phenelzine sulfate</i>	1B	
<i>tranylcypromine sulfate</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists			<i>paroxetine hcl TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
SPRAVATO 56MG DOSE	4	PA	<i>paroxetine hcl TABS 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
SPRAVATO 84MG DOSE	4	PA	<i>paroxetine hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)			<i>paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>paroxetine hcl TB24 12.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 40 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>sertraline hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>sertraline hcl TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	Serotonin Modulators		
<i>escitalopram oxalate TABS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>nefazodone hcl</i>	1B	
<i>escitalopram oxalate TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>trazodone hcl TABS</i>	1B	
<i>escitalopram oxalate TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA
<i>fluoxetine hcl CAPS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 package(s) per 180 day(s) retail
<i>fluoxetine hcl CAPS 10 MG</i>	1A	QL(1 ea daily)	<i>vilazodone hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1B		<i>desvenlafaxine succinate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily)	<i>desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>duloxetine hcl CPEP 40 MG</i>	1B	
<i>fluvoxamine maleate TABS 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)	FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA
<i>fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1B	QL(30 ml daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 75 MG</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>venlafaxine hcl CP24 37.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-10 MG</i>	2	QL(1 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>Tricyclic Agents</b>			GLYXAMBI	2	QL(1 ea daily)
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1B		JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>amoxapine</i>	1B		JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>clomipramine hcl</i>	1B	PA	JANUMET TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>desipramine hcl TABS</i>	1B		<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1B		<i>pioglitazone hcl-metformin hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxepin hcl CONC</i>	1B		<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>imipramine hcl TABS</i>	1B		<i>saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>imipramine pamoate</i>	1B		SOLQUA 100/33	2	QL(0.5 ml daily); PA
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1B		SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1B		SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>protriptyline hcl</i>	1B		SYNJARDY TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1B		TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
<b>ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar</b>			TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
<b>Alpha-Glucosidase Inhibitors</b>					
<i>acarbose</i>	1B	QL(3 ea daily)			
<i>miglitol</i>	1B	QL(3 ea daily)			
<b>Antidiabetic Combinations</b>					
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); PA			
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA			
<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA			
<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	2	QL(2 ea daily)	VICTOZA (liraglutide)	2	QL(0.3 ml daily); PA
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 ea daily)	<b>Insulin</b>		
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)	APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	2	QL(1 ea daily)	APIDRA SOLN	3	PA
XULTOPHY 100/3.6	2	QL(0.5 ml daily); PA	BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2	
<b>Biguanides</b>			HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)
metformin hcl TABS 1000 MG	1B	QL(2.5 ea daily)	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)
metformin hcl TABS 850 MG	0	QL(3 ea daily)	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B	
metformin hcl TABS 500 MG	1B	QL(5 ea daily)	INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B	
metformin hcl TB24 750 MG	1B	QL(3 ea daily)	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1B	
metformin hcl TB24 500 MG	1B	QL(4 ea daily)	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1B	
<b>Diabetic Other</b>			INSULIN ASPART SOLN IJ	1B	
diazoxide	3		INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2	
glucagon (rdna)	1B	QL(0.035 ea daily)	INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
<b>Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors</b>			LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA
alogliptin benzoate	1B	QL(1 ea daily)	LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA
JANUVIA	2	QL(1 ea daily)	LEVEMIR SOLN	3	PA
saxagliptin hcl	1B	QL(1 ea daily)	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
<b>Incretin Mimetic Agents</b>			NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
OZEMPIC SOPN	2	QL(0.108 ml daily); PA	NOVOLIN N SUSP	2	
RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 ea daily)
FARXIGA	2	QL(1 ea daily)
FARXIGA ( <i>dapagliflozin propanediol</i> )	2	QL(1 ea daily)
JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TB24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glyburide TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea</b>		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
<b>ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS</b>		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1B	
Antidotes and Specific Antagonists		
<i>deferoxamine mesylate</i>	4	PA
DEFERERAL 500 MG ( <i>deferoxamine mesylate</i> )	4	PA
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1B	QL(2 ea per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	1B	
<i>naltrexone hcl</i>	1B	
<b>ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting</b>		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ml daily)
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
<b>Antiemetics - Anticholinergic</b>		
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
<b>Antiemetics - Miscellaneous</b>		
AKYNZEO	3	PA
AKYNZEO SOLR	4	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	QL(4 ea daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	
<b>Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists</b>		
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 ea daily); PA
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 ea daily); PA
<i>aprepitant MISC</i>	1B	PA
VARUBI TBPB	3	PA
<b>ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections</b>		
<b>Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors</b>		
<i>caspofungin acetate</i>	1B	
ERAXIS	3	
<i>miconazole sodium</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Antifungals</b>		
ABELCET	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	
<i>nystatin TABS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Imidazole-Related Antifungals</b>		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSP</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1B	
NOXAFIL SUSP ( <i>posaconazole</i> )	3	QL(20 ml daily)
<i>posaconazole SUSP</i>	1B	QL(20 ml daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies</b>		
<b>Antihistamines - Alkylamines</b>		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B	
<b>Antihistamines - Ethanolamines</b>		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clemastine fumarate</i> TABS 2.68 MG	1B	
<i>diphenhydramine hcl</i> CAPS 50 MG	1A	
<i>diphenhydramine hcl ELIX</i> 12.5 MG/5ML	1B	
<i>diphenhydramine hcl</i> LIQD 12.5 MG/5ML	1B	
<i>diphenhydramine hcl</i> SOLN 50 MG/ML	1B	
<b>Antihistamines - Non-Sedating</b>		
<i>cetirizine hcl</i> TABS	1A	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine</i> TABS	1B	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TBDP</i> 2.5 MG	1B	QL(1 ea daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride</i> SOLN	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>levocetirizine dihydrochloride</i> TABS	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>loratadine</i> CAPS	1B	
<i>loratadine</i> CHEW	1B	
<i>loratadine</i> SOLN	1B	
<i>loratadine</i> TABS	1A	
<i>loratadine TBDP</i>	1B	
<b>Antihistamines - Phenothiazines</b>		
<i>promethazine hcl</i> SOLN OR 6.25 MG/5ML	1B	
<i>promethazine hcl</i> SUPP 12.5 MG, 25 MG	1B	QL(6 ea daily)
<i>promethazine hcl</i> SUPP 50 MG	1B	
<i>promethazine hcl</i> TABS	1B	
<b>Antihistamines - Piperidines</b>		
<i>cyproheptadine hcl</i> SYRP	1B	
<i>cyproheptadine hcl</i> TABS	1B	
<b>ANTIHYPERSLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol</b>		
<b>Antihyperlipidemics - Combinations</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Antihyperlipidemics - Misc.</b>		
<i>icosapent ethyl</i> 1 GM	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>Bile Acid Sequestrants</b>		
<i>cholestyramine light</i> PACK	1B	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine light</i> POWD	1B	QL(24 gm daily)
<i>cholestyramine</i> PACK	1B	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine</i> POWD	1B	QL(25.2 gm daily)
<i>colesevelam hcl</i> PACK	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>colesevelam hcl</i> TABS	1B	QL(7 ea daily)
<i>colestipol hcl</i> GRAN	1B	QL(6 gm daily)
<i>colestipol hcl</i> PACK	1B	QL(6 ea daily)
<i>colestipol hcl</i> TABS	1B	QL(16 ea daily)
<b>Fibric Acid Derivatives</b>		
<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate micronized</i> 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG	1B	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate</i> TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	1B	QL(1 ea daily)
<i>gemfibrozil</i> TABS	1B	QL(2 ea daily)
<b>HMG CoA Reductase Inhibitors</b>		
<i>atorvastatin calcium</i> TABS	1B	QL(1 ea daily)
<i>fluvastatin sodium</i> CAPS 20 MG	3	QL(1 ea daily)
<i>fluvastatin sodium</i> CAPS 40 MG	3	QL(2 ea daily)
<i>lovastatin</i> TABS 10 MG, 20 MG	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 ea daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ml daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ml daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ml daily); PA
<b>ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1B	
<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>enalapril maleate TABS</i>	1B	
<i>fosinopril sodium</i>	1B	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B	
<i>ramipril CAPS</i>	1B	
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 ea daily)
EDARBI	3	QL(1 ea daily); ST
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>losartan potassium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antiadrenergic Antihypertensives		
<i>clonidine</i>	3	QL(0.15 ea daily)
<i>clonidine hcl TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	1B	
<i>guanfacine hcl</i>	1B	
<i>methyldopa TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>terazosin hcl</i>	1B	
Antihypertensive Combinations		
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B	
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3	
<i>atenolol &amp; chlorthalidone</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>benazepril &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B		<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>benazepril &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>bisoprolol &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>enalapril maleate &amp; hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B		<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>enalapril maleate &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>fosinopril sodium &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>lisinopril &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B		<b>Antihypertensives - Misc.</b>		
<i>losartan potassium &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>VECAMYL</i>	3	PA
<i>losartan potassium &amp; hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<b>Direct Renin Inhibitors</b>		
<i>metoprolol &amp; hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B		<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>metoprolol &amp; hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<b>Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)</b>		
<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST	<i>eplerenone</i>	1B	
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B		<b>Vasodilators</b>		
			<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
			<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	
			<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	
			<b>ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
			<b>Anti-infective Agents - Misc.</b>		
			<i>bacitracin</i>	3	
			<i>IMPAVIDO</i>	3	QL(3 ea daily); PA
			<i>metronidazole TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 ea daily; 9 ea per 3 day(s) retail; 9 ea per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
<b>Anti-infective Misc. - Combinations</b>		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
<b>Antiprotozoal Agents</b>		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
<b>Carbapenems</b>		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1B	
<i>meropenem</i>	1B	
<b>Chloramphenicols</b>		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
<b>Cyclic Lipopeptides</b>		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
<b>Glycopeptides</b>		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ml per fill retail)
<b>Leprostatics</b>		
<i>dapsone</i>	3	
<b>Lincosamides</b>		
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
<b>Monobactams</b>		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
CAYSTON	4	QL(3 ml daily); PA
<b>Oxazolidinones</b>		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
<b>Polymyxins</b>		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B	
<b>Urinary Anti-infectives</b>		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
<b>ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)</b>		
<b>Antimalarial Combinations</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<b>Antimalarials</b>		
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 ea per 30 day(s) retail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 ea daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
<b>ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS</b>		
Antimychasthenic/Cholinergic Agents		
FIRDAPSE	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
<b>ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)</b>		
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1B	
PASER PACK	3	QL(3 ea daily)
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>rifampin SOLR</i>	1B		<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA
SIRTURO	3	PA	TEMODAR SOLR	4	SP; PA
TRECTOR	3	QL(4 ea daily)	<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA
<b>ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer</b>			TEPADINA 100 MG ( <i>thiotepa</i> )	4	PA
<b>Alkylating Agents</b>			<i>thiotepa 100 MG</i>	4	PA
BELRAPZO SOLN	4	PA	<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA	VIVIMUSTA SOLN	4	PA
BENDAMUSTINE HYDROCHLORIDE SOLN	4	PA	YONDELIS	4	PA
BENDEKA SOLN	4	PA	ZANOSAR	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA	<b>Antimetabolites</b>		
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML, 150 MG/15ML, 450 MG/45ML</i>	4	PA	ALIMTA SOLR 100 MG ( <i>pemetrexed disodium</i> )	4	PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA	<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA	<i>capecitabine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA	<i>cladribine 10 MG/10ML</i>	4	PA
<i>cisplatin SOLN 50 MG/50ML</i>	4	PA	<i>clofarabine</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA	<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	SP; PA	<i>decitabine</i>	4	SP; PA
EVOMELA IV	4	PA	<i>floxuridine</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA	<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA	<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA
IFEX SOLR	4	PA	<i>fluorouracil 1 GM/20ML, 2.5 GM/50ML, 5 GM/100ML</i>	4	PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA	<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA	FOLOTYN 40 MG/2ML	4	PA
IFOSFAMIDE SOLR	4	PA	<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM</i>	4	PA
LEUKERAN	4	SP; PA	<i>gemcitabine hcl SOLR 1 GM</i>	4	PA
<i>melphalan</i>	1B		<i>gemcitabine hcl SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>melphalan hcl IV</i>	1B		<i>mercaptopurine TABS</i>	1B	
MYLERAN TABS	4	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B		ADCETRIS	4	SP; PA
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP	ARZERRA	4	SP; PA
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP	BAVENCIO	4	PA
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA	BESPONSA	4	PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 100 MG</i>	4	PA	BLINCYTO	4	PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA	DARZALEX	4	PA
<i>pralatrexate</i>	4	PA	EMPLICITI	4	PA
TABLOID	4	SP; PA	GAZYVA	4	PA
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA	IMFINZI	4	PA
<b>Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors</b>			KADCYLA	4	PA
CYRAMZA	4	PA	KEYTRUDA	4	PA
INLYTA	4	QL(2 ea daily); SP; PA	LIBTAYO	4	PA
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA	LUMOXITI	4	PA
LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA	MYLOTARG	4	PA
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	OPDIVO 40 MG/4ML, 100 MG/10ML, 240 MG/24ML	4	PA
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA	POTELIGEO	4	PA
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	RUXIENCE	4	PA
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA	TECENTRIQ 1200 MG/20ML	4	PA
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA	TRUXIMA	4	PA
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	YERVOY	4	SP; PA
MVASI	4	PA	<b>Antineoplastic - Anti-HER2 Agents</b>		
ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA	KANJINTI	4	PA
ZIRABEV	4	PA	OGIVRI	4	PA
<b>Antineoplastic - Antibodies</b>			PERJETA	4	SP; PA
			TRAZIMERA	4	PA
			TUKYSA	4	PA
			<b>Antineoplastic - EGFR Inhibitors</b>		
			ERBITUX	4	SP; PA
			<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
			<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA
			GILOTRIF	4	QL(1 ea daily); PA
			IRESSA ( <i>gefitinib</i> )	4	QL(2 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PORTRAZZA	4	PA	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 ea daily); SP; PA
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
VECTIBIX 400 MG/20ML	4	PA	LYSODREN	4	SP; PA
VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA	<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
<b>Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors</b>			<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
DAURISMO	4	PA	<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 ea daily)
ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); SP; PA	NUBEQA	4	QL(4 ea daily); PA
ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA	<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<b>Antineoplastic - Hormonal and Related Agents</b>			<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	<i>toremifene citrate</i>	1B	
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA	TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
<i>anastrozole</i>	1B	QL(1 ea daily)	XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>bicalutamide</i>	1B	QL(1 ea daily); SP	XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA	XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA	YONSA	4	QL(4 ea daily); PA
EMCYT	4	SP; PA	ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 ea daily); PA	ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); SP; PA
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 ea daily); PA	<b>Antineoplastic - Immunomodulators</b>		
<i>exemestane</i>	4	QL(1 ea daily); SP	POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA
FIRMAGON	4	QL(0.143 ea daily); SP; PA	<b>Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors</b>		
<i>flutamide</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA
<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); SP; PA	<b>Antineoplastic - XPO1 Inhibitors</b>		
<i>letrozole</i>	1B		XPOVIO	4	PA
<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA	XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA
			XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Antineoplastic Antibiotics</b>			BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); PA
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA	BRAFTOVI 75 MG	4	SP; PA
DAUNORUBICIN HYDROCHLORIDE SOLN 50 MG/10ML	4	PA	BRUKINSA	4	PA
<i>doxorubicin hcl liposomal</i>	4	SP; PA	CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA	CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG</i>	4	PA	CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 50 MG</i>	4	SP; PA	CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA	COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA	COPIKTRA	4	PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	<i>dasatinib</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<b>Antineoplastic Combinations</b>			<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	PA	IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	PA	IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	PA	ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA
VYXEOS	4	PA	<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<b>Antineoplastic Enzyme Inhibitors</b>			IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA
ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA	IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA	IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA
ALUNBRIG TBPK	4	QL(1 ea daily); PA	IMBRUVICA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
BALVERSA	4	PA	INREBIC	4	PA
BELEODAQ	4	PA	JAKAFI	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA	KISQALI	4	PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA	KOSELUGO	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KYPROLIS	4	PA
<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA
LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA
MEKINIST TABS	4	PA
MEKTOVI	4	SP; PA
NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA
PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA
PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA
PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA
QINLOCK	4	PA
RETEVMO CAPS	4	PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA
ROZLYTREK CAPS	4	PA
RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA
SCEMBLIX 20 MG	4	QL(2 ea daily); PA
SCEMBLIX 100 MG	4	QL(4 ea daily); PA
SCEMBLIX 40 MG	4	QL(10 ea daily); PA
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
SPRYCEL ( <i>dasatinib</i> )	4	QL(1 ea daily); SP; PA
STIVARGA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
TABRECTA	4	PA
TAFINLAR CAPS	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TALZENNA	4	QL(1 ea daily); PA
TALZENNA	4	QL(1 ea daily); PA
TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 ea daily); SP; PA
TASIGNA 50 MG	4	QL(4 ea daily); PA
TAZVERIK	4	PA
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); SP; PA
TIBSOVO	4	PA
TURALIO	4	AC; PA
TURALIO	4	PA
VERZENIO	4	PA
VITRAKVI CAPS	4	PA
VITRAKVI SOLN	4	PA
VOTRIENT ( <i>pazopanib hcl</i> )	4	QL(4 ea daily); SP; PA
XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
XOSPATA	4	PA
ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA
ZEJULA TABS 100 MG	4	QL(3 ea daily); PA
ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	4	QL(1 ea daily); PA
ZELBORAF	4	SP; PA
ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA
Antineoplastic Enzymes		
ONCASPAR	4	SP; PA
Antineoplastics Misc.		
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA
<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>bexarotene</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>hydroxyurea</i>	1B	
MATULANE	4	SP; PA
NIPENT	4	SP; PA
PHOTOFRIN	4	SP; PA
PROLEUKIN	4	SP; PA
SYNRIBO	4	SP; PA
TICE BCG	4	PA
<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
UVADEX	4	SP; PA
Chemotherapy Adjuncts		
ELITEK	4	PA
KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
KHAPZORY	4	PA
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
<i>mesna SOLN</i>	4	PA
MESNEX SOLN ( <i>mesna</i> )	4	PA
VORAXAZE	4	SP; PA
Mitotic Inhibitors		
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA
<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA
ETOPOPHOS	4	SP; PA
<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	SP; PA
HALAVEN ( <i>eribulin mesylate</i> )	4	SP; PA
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
IXEMPRA KIT 45 MG	4	PA
JEVTANA	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>paclitaxel 6 MG/ML, 30 MG/5ML, 300 MG/50ML</i>	4	PA
<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate 50 MG/5ML</i>	4	PA
Oncolytic Viral Agents		
IMLYGIC	4	PA
Topoisomerase I Inhibitors		
CAMPTOSAR 300 MG/15ML ( <i>irinotecan hcl</i> )	4	PA
HYCANTIN CAPS	4	SP; PA
<i>irinotecan hcl 300 MG/15ML</i>	4	PA
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
ONIVYDE	4	PA
<i>topotecan hcl SOLN</i>	4	PA
TOPOTECAN HCL SOLN	4	PA
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<b>ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease</b>		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa</i>	1B	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1B	
<i>benztropine mesylate TABS</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1B	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1B	
Antiparkinson COMT Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 ea daily)
TASMAR ( <i>tolcapone</i> )	3	
<i>tolcapone</i>	3	
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B	
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
NEUPRO	2	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1B	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
<b>ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antimanic Agents		
<i>lithium</i>	1B	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TABS</i>	1B	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1B	
Antipsychotics - Misc.		
EQUETRO 300 MG	3	QL(4 ea daily); ST
EQUETRO 100 MG	3	QL(2 ea daily); ST
EQUETRO 200 MG	3	QL(8 ea daily); ST
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>ziprasidone hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Benzisoxazoles		
FANAPT	2	QL(2 ea daily); PA
FANAPT TITRATION PACK	2	PA
<i>paliperidone 6 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA
RISPERDAL CONSTA ( <i>risperidone microspheres</i> )	2	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone microspheres</i>	1B	QL(0.072 ea daily); PA
<i>risperidone SOLN</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>risperidone TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>risperidone TBDP</i>	1B	QL(4 ea daily)
Butyrophenones		
<i>haloperidol decanoate</i>	1B	QL(0.036 ml daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	1B	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>haloperidol TABS</i>	1B	
<b>Dibenzapines</b>		
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>clozapine TABS</i>	1B	
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>loxapine succinate</i>	1B	
<i>olanzapine SOLR</i>	1B	QL(0.215 ea daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<b>Phenothiazines</b>		
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1B	
<i>perphenazine TABS</i>	1B	
<i>prochlorperazine</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1B	
<i>thioridazine hcl</i>	1B	
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1B	
<b>Quinolinone Derivatives</b>		
<i>aripiprazole SOLN OR</i>	1B	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>aripiprazole TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
REXULTI	3	PA
<b>Thioxanthenes</b>		
<i>thiothixene</i>	1B	
<b>ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections</b>		
<b>Antiretrovirals</b>		
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1B	QL(32 ml daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1B	
APTIVUS CAPS	2	QL(4 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
BIKTARVY	2	QL(1 ea daily)
CIMDUO	2	QL(1 ea daily)
COMBIVIR ( <i>lamivudine-zidovudine</i> )	3	
COMPLERA	2	QL(1 ea daily)
<i>darunavir TABS 800 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>darunavir TABS 600 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
DELSTRIGO	2	QL(1 ea daily)
DESCOVY 200 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily); PA
DOVATO	2	QL(1 ea daily)
EDURANT	2	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)	ISENTRESS TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)	JULUCA	2	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	KALETRA SOLN ( <i>lopinavir-ritonavir</i> )	3	QL(12.5 ml daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)	KALETRA TABS ( <i>lopinavir-ritonavir</i> )	2	QL(4 ea daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine SOLN</i>	1B	QL(30 ml daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
EMTRIVA CAPS ( <i>emtricitabine</i> )	2	QL(1 ea daily)	<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
EMTRIVA SOLN	2	QL(24 ml daily)	<i>lamivudine-zidovudine</i>	1B	
EPIVIR SOLN ( <i>lamivudine</i> )	3	QL(30 ml daily)	LEXIVA SUSP	2	QL(56 ml daily)
EPIVIR TABS 300 MG ( <i>lamivudine</i> )	3	QL(1 ea daily)	LEXIVA TABS ( <i>fosamprenavir calcium</i> )	3	QL(4 ea daily)
EPIVIR TABS 150 MG ( <i>lamivudine</i> )	3	QL(2 ea daily)	<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1B	QL(12.5 ml daily)
EPZICOM ( <i>abacavir sulfate-lamivudine</i> )	2	QL(1 ea daily)	<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>etravirine 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>etravirine 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
EVOTAZ	2	QL(1 ea daily)	<i>nevirapine SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>nevirapine TABS</i>	1B	
FUZEON SOLR	4	SP; PA	<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
GENVOYA	2	QL(1 ea daily)	<i>nevirapine TB24 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
INTELENCE 25 MG	2	QL(8 ea daily)	NORVIR CAPS	2	QL(12 ea daily)
INTELENCE 200 MG ( <i>etravirine</i> )	2	QL(2 ea daily)	NORVIR PACK	2	QL(12 ea daily)
INTELENCE 100 MG ( <i>etravirine</i> )	2	QL(4 ea daily)	NORVIR SOLN	2	QL(15 ml daily)
ISENTRESS HD TABS	2	QL(2 ea daily)	NORVIR TABS ( <i>ritonavir</i> )	3	QL(12 ea daily)
ISENTRESS CHEW	2	QL(6 ea daily)	ODEFSEY	2	QL(1 ea daily)
ISENTRESS PACK	2	QL(8 ea daily)	PIFELTRO	2	QL(1 ea daily)
			PREZCOBIX	2	QL(1 ea daily)
			PREZISTA SUSP	2	QL(12 ml daily)
			PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG	2	QL(2 ea daily)
			PREZISTA TABS 800 MG ( <i>darunavir</i> )	2	QL(1 ea daily)
			PREZISTA TABS ( <i>darunavir</i> )	2	QL(2 ea daily)
			RETROVIR IV INFUSION SOLN	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RETROVIR CAPS ( <i>zidovudine</i> )	3		TRUVADA ( <i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i> )	3	QL(1 ea daily)
RETROVIR SYRP ( <i>zidovudine</i> )	3		TYBOST	2	QL(1 ea daily)
REYATAZ CAPS 200 MG ( <i>atazanavir sulfate</i> )	3	QL(2 ea daily)	VIRACEPT TABS 250 MG	2	QL(10 ea daily)
REYATAZ CAPS 300 MG ( <i>atazanavir sulfate</i> )	3	QL(1 ea daily)	VIRACEPT TABS 625 MG	2	QL(4 ea daily)
REYATAZ PACK	2		VIREAD POWD	2	QL(7.5 gm daily)
<i>ritonavir</i> TABS	1B	QL(12 ea daily)	VIREAD TABS ( <i>tenofovir disoproxil fumarate</i> )	2	
RUKOBIA	2	PA	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	2	QL(1 ea daily)
SELZENTRY SOLN	2	QL(30 ml daily)	ZIAGEN SOLN ( <i>abacavir sulfate</i> )	3	QL(32 ml daily)
SELZENTRY TABS 150 MG ( <i>maraviroc</i> )	3	QL(2 ea daily)	ZIAGEN TABS ( <i>abacavir sulfate</i> )	3	
SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	2	QL(2 ea daily)	<i>zidovudine</i> CAPS	1B	
SELZENTRY TABS 300 MG ( <i>maraviroc</i> )	3	QL(4 ea daily)	<i>zidovudine</i> SYRP	1B	
<i>stavudine</i> CAPS	1B	QL(2 ea daily)	<i>zidovudine</i> TABS	1B	
STRIBILD	2	QL(1 ea daily)	CMV Agents		
SUNLENCA TBPK	3		<i>cidofovir</i>	3	
SUSTIVA CAPS 200 MG ( <i>efavirenz</i> )	3	QL(2 ea daily)	<i>ganciclovir sodium</i> SOLR	1B	
SUSTIVA CAPS 50 MG ( <i>efavirenz</i> )	3	QL(3 ea daily)	<i>valganciclovir hcl</i> TABS	1B	QL(4 ea daily); PA
SUSTIVA TABS ( <i>efavirenz</i> )	3	QL(1 ea daily)	Hepatitis Agents		
SYMFI ( <i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i> )	2	QL(1 ea daily)	<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
SYMFI LO ( <i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i> )	2	QL(1 ea daily)	BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); SP; PA
SYMTUZA	2	QL(1 ea daily)	<i>entecavir</i> TABS	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>tenofovir disoproxil fumarate</i> TABS	1B		EPIVIR HBV SOLN	2	QL(60 ml daily); SP; PA
TIVICAY PD TBSO	2		EPIVIR HBV TABS ( <i>lamivudine (hcv)</i> )	3	QL(3 ea daily); SP
TIVICAY TABS	2	QL(2 ea daily)	HEPSERA ( <i>adefovir dipivoxil</i> )	4	QL(1 ea daily); SP; PA
TRIUMEQ PD TBSO	2		<i>lamivudine (hcv)</i> TABS	1B	QL(3 ea daily); SP
TRIUMEQ TABS	2	QL(1 ea daily)	PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)	PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 ea daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 ea daily)
SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	1B	QL(1 ea daily); PA
VOSEVI	4	PA
<b>Herpes Agents</b>		
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ml daily)
<i>acyclovir TABS OR</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<b>Influenza Agents</b>		
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>		
<b>Alpha-Beta Blockers</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carvedilol</i>	1B	
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
<b>Beta Blockers Cardio-Selective</b>		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>atenolol TABS</i>	1B	
<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
<b>Beta Blockers Non-Selective</b>		
HEMANGEOL SOLN OR	4	QL(75 ml daily); PA
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B	
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>pindolol TABS</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/afl)</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>timolol maleate TABS</i>	1B	
<b>CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure</b>		
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl extended release beads</i>	1B	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	
<b>DILTIAZEM HCL SOLR</b>	1B	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>felodipine</i>	1B	
<i>isradipine CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>nisoldipine</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1B	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	
<b>CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm</b>		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
<b>LANOXIN SOLN IJ (digoxin)</b>	2	
<b>LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)</b>	2	
<b>CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions</b>		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
Impotence Agents		
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 ea daily); PA
<b>STENDRA</b>	3	QL(0.134 ea daily)
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 ea daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
<b>ORENITRAM TBCR</b>	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
<b>TYVASO REFILL KIT SOLN IN</b>	4	PA
<b>TYVASO STARTER KIT SOLN IN</b>	4	PA
<b>TYVASO SOLN IN</b>	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists</b>		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA
TRACLEER TBSO	4	QL(2 ea daily); PA
<b>Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors</b>		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<b>Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist</b>		
UPTRAVI TITRATION PACK TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
<b>Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator</b>		
ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA
<b>Sinus Node Inhibitors</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA
CORLANOR TABS ( <i>ivabradine hcl</i> )	3	QL(2 ea daily); PA
<i>ivabradine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<b>Transthyretin Stabilizers</b>		
VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA
<b>CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
<b>Cephalosporins - 1st Generation</b>		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B	
<i>cefadroxil TABS</i>	1B	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cephalexin CAPS</i>	1B	
<i>cephalexin SUSR</i>	1B	
<b>Cephalosporins - 2nd Generation</b>		
<i>cefaclor CAPS</i>	1B	
<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1B	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefprozil SUSR</i>	1B	
<i>cefprozil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B	
<b>Cephalosporins - 3rd Generation</b>		
<i>cefdinir CAPS</i>	1B	
<i>cefdinir SUSR</i>	1B	
<i>cefixime CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST	<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B		LO LOESTRIN FE TABS	0	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1B		NATAZIA	0	
<i>ceftriaxone sodium IJ 250 MG</i>	1A		NEXTSTELLIS	0	
<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG</i>	1B		<i>norethin acet &amp; estrad-fe CAPS</i>	0	
Cephalosporins - 4th Generation			<i>norethin acet &amp; estrad-fe CHEW</i>	0	
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B		<i>norethin acet &amp; estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
Cephalosporins - 5th Generation			<i>norethindrone &amp; eth estradiol</i>	0	
TEFLARO	3		<i>norethindrone &amp; ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<b>CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy</b>					
Combination Contraceptives - Oral					
BALCOLTRA <i>(levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron)</i>	0		<i>norethindrone acet &amp; eth estra TABS</i>	0	
<i>desogestrel &amp; ethinyl estradiol</i>	0		<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0		<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0		<i>norgestrel &amp; ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0	
<i>ethynodiol diacet &amp; eth estrad</i>	0		TYBLUME CHEW	0	
<i>levonorgestrel &amp; eth estradiol TABS</i>	0		Combination Contraceptives - Transdermal		
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0		<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0	
			TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 day(s) retail)
			Combination Contraceptives - Vaginal		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ANNOVERA	0		<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 ea daily)	<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
Emergency Contraceptives			<i>EMFLAZA SUSP (deflazacort)</i>	4	PA
ELLA	0		<i>EMFLAZA TABS (deflazacort)</i>	4	PA
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0		<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Injectable			<i>MEDROL TABS</i>	3	
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0		<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ml per 90 day(s) retail)	<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(1 ml per 90 day(s) retail)	<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Oral			<i>methylprednisolone TBPK</i>	1B	
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0		<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
OPILL	0		<i>prednisolone sodium phosphate TBP</i>	3	
SLYND	0	QL(1 ea daily)	<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
<b>CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions</b>			<i>prednisolone TABS</i>	1B	
Glucocorticosteroids			<i>prednisone SOLN</i>	1B	
<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>deflazacort SUSP</i>	4	PA	<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA	<i>prednisone TBPK</i>	1B	
DEPO-MEDROL SUSP	3		<i>SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B		<i>SOLU-CORTEF 250 MG</i>	3	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1B		<i>SOLU-MEDROL 2 GM</i>	3	
<i>dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML</i>	1B		<i>triamcinolone acetoneide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML</i>	1B	
<i>dexamethasone ELIX</i>	1B		<b>Mineralocorticoids</b>		
<i>dexamethasone SOLN</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fludrocortisone acetate</i> TABS	1B		BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<b>COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms</b>			BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<b>Antitussives</b>			<i>benzoyl peroxide-erythromycin</i> GEL	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzonatate</i> 200 MG	1B	QL(3 ea daily)	<i>benzoyl peroxide</i> FOAM 5.3 %, 9.8 %	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzonatate</i> 150 MG	1B	QL(4 ea daily)	<i>benzoyl peroxide</i> GEL 10 %	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzonatate</i> 100 MG	1B	QL(6 ea daily)	<i>benzoyl peroxide</i> GEL 5 %	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)
<b>Cough/Cold/Allergy Combinations</b>			<i>benzoyl peroxide</i> LIQD 4 %, 7 %, 10 %	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex</i> SUER	1B		<i>clindamycin phosphate (topical)</i> FOAM	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
TUZISTRA XR	2	PA	<i>clindamycin phosphate (topical)</i> GEL	1B	QL(8 gm daily)
<b>Misc. Respiratory Inhalants</b>			<i>clindamycin phosphate (topical)</i> LOTN	1B	AL(At least 12 yrs old)
HYPERSAL NEBU	1B		<i>clindamycin phosphate (topical)</i> SOLN	1B	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)
NEBUSAL NEBU	1B		<i>clindamycin phosphate (topical)</i> SWAB	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>sodium chloride (inhalant)</i> NEBU 7 %	1B		<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<b>Mucolytics</b>			<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide</i> GEL 5 %-1 %	1B	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>acetylcysteine</i> SOLN	1B		<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<b>DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions</b>			DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST
<b>Acne Products</b>			<i>erythromycin (acne aid)</i> PADS	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>adapalene-benzoyl peroxide</i> GEL 2.5 %-0.1 %	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>erythromycin (acne aid)</i> SOLN	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>adapalene</i> CREA	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>isotretinoin</i> 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	3	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>adapalene</i> GEL 0.1 %	1B	AL(At least 12 yrs old); ST; RX/OTC			
<i>adapalene</i> GEL 0.3 %	1B	AL(At least 12 yrs old); ST			
AZELEX	3	QL(50 gm per 30 day(s) retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 gm daily); RX/OTC
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	QL(90 gm per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 gm daily)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ml daily)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA	<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 gm daily); RX/OTC
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA	<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA	<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 gm daily)
<b>Agents for External Genital and Perianal Warts</b>			<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	
VEREGEN	3	QL(1 gm daily)	<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)
<b>Antibiotics - Topical</b>			ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)
ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 day(s) retail; 15 gm per 30 days mail)	<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)	<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B		<i>luliconazole</i>	1B	PA
<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)	<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 day(s) retail; 60 gm per 30 days mail); PA	<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<b>Antifungals - Topical</b>			<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
			<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 gm daily)	<b>Antipruritics - Topical</b>		
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)	<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<b>Antipsoriatics</b>		
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ml daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail	<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B		<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 gm daily); PA
<i>tavaborole</i>	1B	PA	<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); PA
<b>Anti-inflammatory Agents - Topical</b>			<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); RX/OTC	COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
<b>Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical</b>			COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); PA	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)	SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA
PANRETIN	3	QL(60 gm per 30 day(s) retail; 60 gm per 30 days mail)	SKYRIZI PSKT	4	QL(0.025 ea daily); PA
			SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA
			STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA
			STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 gm daily)	<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B	
TREMFYA SOPN	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
Antiseborrheic Products			<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B		<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
Antivirals - Topical			<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 gm daily)
<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail	<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail	<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)	<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
Burn Products			<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST
<i>mafenide acetate PACK</i>	3		<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST
<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 gm daily)	<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA
SULFAMYLON CREA	3		<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 gm daily); PA
Corticosteroids - Topical			<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 gm daily); ST
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily); ST
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA
<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail	<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ml daily); PA
<i>amcinonide LOTN</i>	3				
<i>amcinonide OINT</i>	3				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)	<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ml daily)
CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 package(s) per 30 day(s) mail	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ml daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	HALOG OINT	3	PA
<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 ea daily); RX/OTC
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA	<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B		<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ml daily)	<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B	
<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily)	<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>fluocinonide CREA 0.1 %</i>	1B	QL(4 gm daily)	<i>prednicarbate OINT</i>	1B	
<i>fluocinonide GEL</i>	1B		<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)			
<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 gm daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<b>Eczema Agents</b>		
DUPIXENT SOPN 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
DUPIXENT SOPN 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML	4	QL(0.048 ml daily); PA
<b>Emollients</b>		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 gm daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
<b>Enzymes - Topical</b>		
SANTYL OINT	3	PA
<b>Immunomodulating Agents - Topical</b>		
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
<b>Immunosuppressive Agents - Topical</b>		
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
<b>Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents</b>		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
<b>Local Anesthetics - Topical</b>		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
SYNERA PTCH	3	QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
<b>Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical</b>		
EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA
<b>Rosacea Agents</b>		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
<b>Scabicides &amp; Pediculicides</b>		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA; RX/OTC
<i>malathion</i>	1B	
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
<b>Wound Care Products</b>		
REGANEX	3	QL(0.5 gm daily)
<b>DIAGNOSTIC PRODUCTS</b>		
<b>Diagnostic Drugs</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)	CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA	PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
Diagnostic Tests			ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
CHEMSTRIP-K STRP	1B		ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B		<b>DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure</b>		
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1B		<b>Carbonic Anhydrase Inhibitors</b>		
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B		<i>acetazolamide sodium</i>	1B	
KETONE TEST STRIPS STRP	1B		<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
KETONE STRP	1B		<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
KETOSTIX STRP	1B		<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1B		<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA
PRECISION XTRA	1B		<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1B		<b>Diuretic Combinations</b>		
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC			
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC			
TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC			
TRUETRACK TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC			
<b>DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes</b>					
Digestive Enzymes					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amiloride &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>spironolactone &amp; hydrochlorothiazide</i>	1B		<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>triamterene &amp; hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1B		<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ml daily)
<i>triamterene &amp; hydrochlorothiazide TABS</i>	1B		FORTEO SOPN (teriparatide (recombinant))	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
Loop Diuretics			FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 ea daily); PA
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B		<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 ea daily)	<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 ea daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 ea daily)	<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1B		PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
<i>furosemide TABS</i>	1B		PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>toremide TABS</i>	1B		<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 ea daily); PA
Potassium Sparing Diuretics			<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B		<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>spironolactone TABS</i>	1B		<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)	<i>teriparatide (recombinant) SOPN</i>	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics			TERIPARATIDE SOPN	4	QL(0.09 ml daily); PA
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1B		TYMLOS	4	PA
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)	XGEVA SOLN	4	SP; PA
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 ea daily)	<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	Corticotropin		
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	ACTHAR GEL	3	PA
<i>metolazone</i>	1B	QL(2 ea daily)	Fertility Regulators		
<b>ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.</b>					
<b>- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones</b>					
Bone Density Regulators					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA
<b>GnRH/LHRH Antagonists</b>		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORILISSA	2	PA
<b>Growth Hormone Receptor Antagonists</b>		
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA
<b>Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)</b>		
EGRIFTA 2 MG	4	PA
EGRIFTA SV	4	PA
<b>Growth Hormones</b>		
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
ZORBTIVE SC	4	SP; PA
<b>Hormone Receptor Modulators</b>		
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)
<b>Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)</b>		
INCRELEX	4	SP; PA
<b>LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants</b>		
FENSOLVI SC	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SYNAREL	4	SP; PA
<b>Metabolic Modifiers</b>		
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA
GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA
LUMIZYME	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
NAGLAZYME	4	SP; PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
PHEBURANE PLLT	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
STRENSIQ	4	PA
<b>Posterior Pituitary Hormones</b>		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>desmopressin acetate</i> TABS 0.2 MG	1B	QL(8 ea daily)
<i>desmopressin acetate</i> TABS 0.1 MG	1B	QL(6 ea daily)
STIMATE SOLN NA	4	SP; PA
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate</i> SOLN	4	SP; PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
JYNARQUE TBPB	4	SP; PA
<i>tolvaptan</i> TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<b>ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs</b>		
Estrogen Combinations		
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate- ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 ea daily)
Estrogens		
DELESTROGEN 10 MG/ML ( <i>estradiol valerate</i> )	1B	
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL 0.06 %</i>	3	
<i>estradiol GEL 0.25 MG/0.25GM, 0.5 MG/0.5GM, 0.75 MG/0.75GM, 1 MG/GM, 1.25 MG/1.25GM</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol</i> TABS	1B	
ESTROGEL GEL ( <i>estradiol</i> )	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)
<b>FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl</i> TABS	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %- 200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
CIPRO SUSR	2	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>levofloxacin in d5w 5 %- 500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl</i> TABS	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
<b>GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs</b>		
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Gallstone Solubilizing Agents</b>		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
<b>Gastrointestinal Chloride Channel Activators</b>		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 ea daily)
<b>Gastrointestinal Stimulants</b>		
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 ea daily)
<b>Inflammatory Bowel Agents</b>		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 ea daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ml daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
<b>Intestinal Acidifiers</b>		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
<b>Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
LINZESS	2	QL(1 ea daily)
<b>Peripheral Opioid Receptor Antagonists</b>		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA
<b>Phosphate Binder Agents</b>		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
PHOSLYRA SOLN	2	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
VELPHORO	3	PA
<b>GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive Organs and Urinary System</b>		
<b>Alkalinizers</b>		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1B	
<i>sodium citrate &amp; citric acid</i>	1B	RX/OTC
<b>Cystinosis Agents</b>		
CYSTAGON CAPS	3	PA
<b>Genitourinary Irrigants</b>		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1B	



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Interstitial Cystitis Agents</b>		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)
<b>Prostatic Hypertrophy Agents</b>		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl</i>	3	PA
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
<b>Urinary Analgesics</b>		
<i>phenazopyridine hcl</i> TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG	1B	
<b>Urinary Stone Agents</b>		
THIOLA EC TBEC 100 MG ( <i>tiopronin</i> )	3	QL(3 ea daily); PA
THIOLA EC TBEC 300 MG ( <i>tiopronin</i> )	3	QL(10 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
<b>GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout</b>		
<b>Gout Agent Combinations</b>		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
<b>Gout Agents</b>		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<b>Uricosurics</b>		
<i>probenecid</i>	1B	
<b>HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders</b>		
<b>Antihemophilic Products</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADVATE	4	PA
ADYNOVATE	4	PA
AFSTYLA	4	PA
ALPROLIX	4	PA
ALTUVIIIIO	4	PA
BENEFIX KIT	4	PA
ELOCTATE	4	PA
ESPEROCT	4	PA
IDELVION	4	PA
JIVI	4	PA
KOGENATE FS KIT	4	PA
KOVALTRY	4	PA
NOVOEIGHT	4	PA
XYNTHA	4	PA
XYNTHA SOLOFUSE	4	PA
<b>Bradykinin B2 Receptor Antagonists</b>		
<i>icatibant acetate SOLN</i>	4	QL(9 ml daily); PA
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ml daily); PA
<b>Complement Inhibitors</b>		
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
<b>Hemataologic - Tyrosine Kinase Inhibitors</b>		
TAVALISSE	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<b>Hematorheologic Agents</b>		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 ea daily)
<b>Plasma Kallikrein Inhibitors</b>		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
<b>Platelet Aggregation Inhibitors</b>		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CABLIVI	4	PA
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
ZONTIVITY	3	PA
<b>HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders</b>		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 ea daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ml daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	SP
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
GRANIX SOLN	4	PA
GRANIX SOSY	4	PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA	4	PA
MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA
NYVEPRIA	4	PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROMACTA PACK	4	QL(1 ea daily); PA
PROMACTA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
ZIEXTENZO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1B	QL(1 ea daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
INFED	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VENOFER	4	PA
Stem Cell Mobilizers		
MOZOBIL ( <i>plerixafor</i> )	4	SP; PA
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
<b>HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders</b>		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid</i> TABS	1B	PA
<i>tranexamic acid</i> SOLN 1000 MG/10ML	1B	
<i>tranexamic acid</i> TABS	1B	
<b>HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS</b>		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital</i> ELIX	1B	
<i>phenobarbital</i> TABS	1B	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl</i> (sleep)	1B	QL(1 ea daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1B	
<i>eszopiclone</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1B	
<i>temazepam</i> 7.5 MG, 22.5 MG	1B	QL(1 ea daily)
<i>temazepam</i> 15 MG, 30 MG	1A	QL(1 ea daily)
<i>triazolam</i>	1B	
<i>zaleplon</i> 5 MG	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon</i> 10 MG	1B	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate</i> TABS	1A	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>zolpidem tartrate</i> TBCR	1B	QL(1 ea daily)
Orexin Receptor Antagonists		
BELSOMRA	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<b>LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs</b>		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil</i> TABS	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate</i> SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		
<i>lactulose</i> SOLN	1B	
Saline Laxatives		
OSMOPREP	3	PA
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl</i> SUPP	1A	
<i>bisacodyl</i> TBEC	1A	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>docusate sodium</i> CAPS 250 MG	1A	
<i>docusate sodium</i> CAPS 100 MG	1A	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing</b>		
Local Anesthetics - Amides		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1B	
<b>MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SOLR</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>erythromycin base TABS</i>	3	
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B	
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
Fidaxomicin		
DIFICID TABS	2	
<b>MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES</b>		
Contraceptives		
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CAYA DPRH	0	
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0	QL(2 ea daily)
DUREX TROPICAL MISC	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
FEMCAP DEVI	0	
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 ea daily)
KIMONO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDDERED MISC	0	QL(2 ea daily)
K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)
MAXX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0	
OMNIFLEX DIAPHRAGM	0		WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0	
REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0	
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0	
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0	
TRUE COVER DEVI	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0	
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0	
TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0	
TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)	<b>Diabetic Supplies</b>		
TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDERED MISC	0	QL(2 ea daily)	ADVOCATE CONTROL SOLUTIONHIGH LIQD	1B	
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	QL(2 ea daily)	ADVOCATE REDICODE+ CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B	
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)	AGAMATRIX CONTROL HIGH SOLN	1B	
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	CLEVER CHOICE GLUCOSE CONTROL HIGH LIQD	1B	
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CONTOUR HIGH CONTROL LIQD	1B		FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
DIATRUE GLUCOSE CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1B		FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
EASY PLUS II CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B		FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
EASY STEP CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B		FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA
EASY TALK CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B		GLUCOCOM HIGH CONTROL LIQD	1B	
EASY TALK PLUS II CONTROLHIGH SOLN	1B		INFINITY CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B	
EASY TRAK GLUCOSE CONTROLSOLUTION HIGH SOLN	1B		LIBERTY CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B	
ELEMENT HIGH CONTROL LIQD	1B		ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	1B	RX/OTC
EMBRACE GLUCOSE CONTROL SOLUTION HIGH LIQD	1B		ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	1B	RX/OTC
EMBRACE TALK GLUCOSE CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B		ONETOUCH VERIO LEVEL 4 CONTROL SOLUTION LIQD	1B	
FORA CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B		PRODIGY CONTROL SOLUTIONHIGH SOLN	1B	
FORACARE GDH CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B		RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G	1B	RX/OTC
FORTISCARE CONTROL SOLUTIONS HIGH SOLN	1B		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G	1B	RX/OTC
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	PA	RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G	1B	RX/OTC
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	RIGHTEST GC300 HIGH CONTROL LIQD	1B	
FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	PA	SELECT LANCETS	1B	6.66/day
			SOLUS V2 CONTROL HIGH SOLN	1B	
			TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
UNISTRIP CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	1B		<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
Parenteral Therapy Supplies			<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day	<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<b>MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches</b>			<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag			<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
AIMOVIG	2	QL(0.04 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA	<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
UBRELVY	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail); ST	<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
Migraine Combinations			<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 ea daily)	<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail; 10 ea per 30 days mail)	<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Migraine Products					
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.267 ml daily)			
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B				
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)			
Serotonin Agonists					
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	PLASMA-LYTE-148 ( <i>electrolyte-148</i> )	1B	
<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L</i>	1B	
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>potassium chloride in dextrose &amp; sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
<b>MINERALS &amp; ELECTROLYTES</b>			<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
Bicarbonates			POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	1B	
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B		POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % ( <i>potassium chloride in nacl</i> )	1B	
SODIUM ACETATE SOLN ( <i>sodium acetate</i> )	1B		<i>ringer's</i>	1B	
Calcium			Fluoride		
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B		<i>sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
Electrolyte Mixtures			Magnesium		
<i>dextrose in lactated ringers</i>	1B		<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1B	
<i>electrolyte-148</i>	1B		Phosphate		
<i>electrolyte-a</i>	1B		<i>potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML</i>	1B	
ELLIOTTS B	4	PA	Potassium		
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1B		<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B	
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1B				
ISOLYTE-S	1B				
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% ( <i>potassium chloride in dextrose &amp; sodium chloride</i> )	1B				
<i>lactated ringer's</i>	1B				
NORMOSOL-M/D5W	1B				
NORMOSOL-R	1B				
PLASMA-LYTE A ( <i>electrolyte-a</i> )	1B				



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B		<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B	
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B		<i>cyclosporine CAPS</i>	1B	
<i>potassium chloride CPR</i>	1B		<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
<i>potassium chloride PACK OR 20 MEQ</i>	1B	PA	ENSPRYNG	4	PA
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B		<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 ea daily); PA
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML ( <i>potassium chloride</i> )	1B		<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA
<i>potassium chloride TBCR</i>	1B		<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
Sodium			<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1B		<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
<b>MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES</b>			NULOJIX	4	SP; PA
Chelating Agents			PROGRAF PACK	2	PA
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA	PROGRAF SOLN	2	
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)	SIMULECT	3	
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); SP; PA	<i>sirolimus TABS</i>	1B	
Immunomodulators			<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA	THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	Irrigation Solutions		
THALOMID	4	QL(3 ea daily); SP; PA	<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	
Immunosuppressive Agents			<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
ATGAM	4	SP; PA	<i>ringer's irrigation</i>	1B	
AZATHIOPRINE	1B		<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
<i>azathioprine TABS</i>	1B		Potassium Removing Agents		
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B		LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA
			<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
			<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS</b>		
Anesthetics Topical Oral		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B	
Anti-infectives - Throat		
<i>clotrimazole</i>	1B	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B	
Antiseptics - Mouth/Throat		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B	
DEBACTEROL	2	
Dental Products		
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
Steroids - Mouth/Throat/Dental		
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B	
Throat Products - Misc.		
<i>cevimeline hcl</i>	1B	
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B	
<b>MULTIVITAMINS</b>		
Ped MV w/ Fluoride		
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC
Prenatal Vitamins		
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG- 1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG- 12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
ONE VITE WOMENS PRENATAL VITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
ONE VITE WOMENS PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL PLUS VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)	<i>chlorzoxazone TABS 750 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 ea daily)
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)	<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)	<b>Direct Muscle Relaxants</b>		
RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)	<b>NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus</b>		
THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	<b>Nasal Antiallergy</b>		
TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	<i>azelastine hcl</i>	1B	RX/OTC
VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	<b>Nasal Anticholinergics</b>		
<b>MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms</b>			<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ml daily)
<b>Central Muscle Relaxants</b>			<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
<i>baclofen TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B		<b>Nasal Steroids</b>		
<i>carisoprodol TABS</i>	1B		<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>flunisolide (nasal) 0.025 %</i>	1B	1 package(s) per fill retail
<b>NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles</b>			<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 day(s) retail); RX/OTC
			<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 gm daily); PA; RX/OTC
			<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B	
			XHANCE EXHU	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>ALS Agents</b>		
<i>riluzole TABS</i>	3	
<b>Neuromuscular Blocking Agent - Neurotoxins</b>		
XEOMIN	3	PA
<b>NUTRIENTS</b>		
<b>Proteins</b>		
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	3	
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	3	
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	3	
<b>OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye</b>		
<b>Beta-blockers - Ophthalmic</b>		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate- timolol maleate</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
<b>Cycloplegic Mydriatics</b>		
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
<b>Miotics</b>		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	
<b>Ophthalmic Adrenergic Agents</b>		
<i>apraclonidine hcl</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
IOPIDINE	3	
<b>Ophthalmic Anti-infectives</b>		
AZASITE	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
BESIVANCE	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1B	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1B	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B	
KLARITY-A	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B	
NATACYN	2	
<i>neomycin-bacitracin zn- polymyxin</i>	1B	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>polymyxin b-trimethoprim sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>trifluridine</i>	1B	
ZIRGAN GEL	2	
<b>Ophthalmic Immunomodulators</b>		
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
<b>Ophthalmic Local Anesthetics</b>		
<i>proparacaine hcl</i>	1B	
<b>Ophthalmic Steroids</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALREX SUSP (loteprednol etabonate)	3	PA
dexamethasone sodium phosphate (ophth)	1B	QL(0.4 ml daily)
difluprednate	1B	PA
fluorometholone (ophth) SUSP	1B	
FML FORTE SUSP	3	PA
FML OINT	3	PA
LOTEMAX OINT	3	PA
loteprednol etabonate GEL	1B	PA
loteprednol etabonate SUSP	1B	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA
neomycin-polymyx-dexameth OINT	1B	
neomycin-polymyx-dexameth SUSP	1B	
neomycin-polymyxin-hc (ophth)	1B	QL(2.5 ml daily)
PRED MILD	3	PA
PRED-G SUSP	3	PA
prednisolone acetate (ophth)	1B	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	3	PA
tobramycin-dexamethasone SUSP	1B	
ZYLET	3	PA
Ophthalmics - Misc.		
ALOCIL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
azelastine hcl (ophth)	1B	
bepotastine besilate	3	PA
brinzolamide	1B	
bromfenac sodium (ophth)	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
cromolyn sodium (ophth)	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA
diclofenac sodium (ophth)	1B	
dorzolamide hcl	1B	
epinastine hcl (ophth)	1B	
flurbiprofen sodium	1B	
ketorolac tromethamine (ophth)	1B	
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %	1B	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); ST
olopatadine hcl 0.2 %	1B	RX/OTC
olopatadine hcl 0.1 %	1B	QL(0.34 ml daily); RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
bimatoprost SOLN	3	
latanoprost SOLN	1B	
tafluprost	1B	
travoprost SOLN	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
acetic acid (otic)	1B	QL(0.5 ml daily)
Otic Anti-infectives		
ciprofloxacin hcl (otic)	1B	
ofloxacin (otic)	1B	
Otic Combinations		
ciprofloxacin-dexamethasone	1B	PA
ciprofloxacin-fluocinolone acetamide	1B	QL(0.5 ea daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN	1B	QL(2 ml daily)
neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>Otic Steroids</b>		
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
<b>PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System</b>		
<b>Immune Serums</b>		
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C	4	SP; PA
<b>Passive Immunizing Agents - Combinations</b>		
HYQVIA	4	PA
<b>PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
<b>Aminopenicillins</b>		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IJ 1 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
<b>Natural Penicillins</b>		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
<b>Penicillin Combinations</b>		
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin &amp; pot clavulanate TB12</i>	1B	
<i>ampicillin &amp; sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM</i>	1B	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1B	
<b>Penicillinase-Resistant Penicillins</b>		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<b>PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs</b>		
<b>Progestins</b>		
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
<b>PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions</b>		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1B	
<i>disulfiram</i>	1B	
<i>lofexidine hcl</i>	1B	QL(224 ea per 14 day(s) retail); PA
<i>LUCEMYRA (lofexidine hcl)</i>	3	QL(224 ea per 14 day(s) retail); PA
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B	
Combination Psychotherapeutics		
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	1B	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Fibromyalgia Agents		
<i>SAVELLA TITRATION PACK MISC</i>	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
<i>SAVELLA TABS</i>	2	QL(2 ea daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy		
<i>AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPK</i>	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK</i>	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>AUSTEDO XR TB24</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>AUSTEDO TABS</i>	4	QL(4 ea daily); PA
<i>INGREZZA CAPS</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>INGREZZA CPPK</i>	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
<i>INGREZZA CPSP</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Multiple Sclerosis Agents		
<i>AVONEX PEN AJKT</i>	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
<i>AVONEX PSKT</i>	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
<i>BETASERON KIT</i>	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 ea daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	3	QL(1 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	3	QL(0.43 ml daily)	NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0	
KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA	<i>nicotine MISC XX</i>	0	QL(1 ea daily)
PLEGRIDY STARTER PACK SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA	NICOTROL INHALER INHA	0	
PLEGRIDY SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA	NICOTROL NS SOLN	0	
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)
REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA	<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0	
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA	Transthyretin Amyloidosis Agents		
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA	TEGSEDI	4	PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA	<b>RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions</b>		
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 ea daily)	Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents			PROLASTIN-C SOLN	4	PA
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA	Cystic Fibrosis Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 ea daily); PA	KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents			ORKAMBI PACK	4	QL(2 ea daily); PA
NUEDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA	ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.			PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B		TRIKAFTA TBPK	4	QL(3 ea daily); PA
<i>pimozide</i>	1B		Pulmonary Fibrosis Agents		
Smoking Deterrents			OFEV	4	QL(2 ea daily); PA
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>pirfenidone CAPS</i>	4	
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0		<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0		<b>SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
			Sulfonamides		
			<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	



Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<b>TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections</b>		
Glycylcyclines		
<i>tigecycline</i>	1B	
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 ea daily)
<b>THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones</b>		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1B	
NP THYROID 120 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 15 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 30 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 60 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 90 TABS	1B	QL(1 ea daily)
SYNTHROID TABS ( <i>levothyroxine sodium</i> )	2	
<b>TOXOIDS</b>		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
KINRIX SUSY	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
<b>ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions</b>		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN OR</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>methscopolamine bromide</i>	1B	
H-2 Antagonists		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	1A	
<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1B	
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>nizatidine CAPS</i>	1B	
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1B	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
<i>NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 ea daily)
Ulcer Therapy Combinations		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
<b>URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms</b>		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>tropium chloride CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tropium chloride TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B	
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flavoxate hcl</i>	1B	
<b>VACCINES</b>		
Bacterial Vaccines		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MENACTRA	0		COMIRNATY 2023-24 SUSY	0	
MENQUADFI	0		COMIRNATY 2024-25 SUSY	0	
MENVEO SOLR	0		COMIRNATY SUSP	0	
PNEUMOVAX 23	0		ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
PNEUMOVAX 23/1 DOSE	0		ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
PREVNAR 13	0		FLUAD 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail	FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail	FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
<b>Viral Vaccines</b>			FLUARIX 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
ABRYSVO	0		FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUBLOK 2024-2025 SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail			
AREXVY	0				
COMIRNATY 2023-24 SUSP	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLULAVAL 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUMIST NASAL VACCINE 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	GARDASIL 9 SUSP	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
			GARDASIL 9 SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
HAVRIX	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	0	
HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
IPOL INACTIVATED IPV	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail	PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	RECOMBIVAX HB SUSP	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0		RECOMBIVAX HB SUSY	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSY	0		ROTARIX SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	0		ROTARIX SUSR	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0		ROTATEQ SOLN	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0		SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2024-25 SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0		SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP	0		TWINRIX SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0		VAQTA	0	1 max fill(s) per 365 day(s) retail
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0		VARIVAX INJ	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
			<b>VAGINAL AND RELATED PRODUCTS</b>		
			Miscellaneous Vaginal Products		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA
Spermicides		
TODAY SPONGE MISC	0	
Vaginal Anti-infectives		
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 day(s) retail; 5 gm per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)
<b>VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions</b>		
Anaphylaxis Therapy Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1B	QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	
<b>VITAMINS</b>		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1A	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
NIACIN TR TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

# INDEX

abacavir sulfate SOLN .....	31	acyclovir SUSP .....	34	2024 SUSY .....	68
abacavir sulfate TABS .....	31	acyclovir TABS OR .....	34	AFSTYLA .....	50
abacavir sulfate-lamivudine .....	31	acyclovir topical CREA .....	42	AGAMATRIX CONTROL HIGH SOLN .....	54
ABELCET .....	18	acyclovir topical OINT .....	42	AIMOVIG .....	56
abiraterone acetate 250 MG .....	26	ADACEL SUSP .....	66	AIMSCO LUBRICATED MISC .....	53
abiraterone acetate 500 MG .....	26	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ .....	3	AKYNZEO .....	18
ABRYSVO .....	68	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY .....	3	AKYNZEO SOLR .....	18
acamprosate calcium .....	64	adapalene CREA .....	39	albendazole .....	7
acarbose .....	15	adapalene GEL 0.1 % .....	39	albuterol sulfate AERS .....	10
acebutolol hcl CAPS .....	34	adapalene GEL 0.3 % .....	39	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML .....	10
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 % .....	39	albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML .....	10
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG .....	6	ADCETRIS .....	25	albuterol sulfate SYRP .....	10
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG .....	6	adefovir dipivoxil .....	33	albuterol sulfate TABS .....	10
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG .....	6	ADEMPAS .....	36	alclometasone dipropionate CREA	42
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG .....	6	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG .....	66	alclometasone dipropionate OINT	42
acetazolamide CP12 .....	45	ADVATE .....	50	ALDURAZYME .....	47
acetazolamide sodium .....	45	ADVOCATE CONTROL SOLUTIONHIGH LIQD .....	54	ALECENSA .....	27
acetazolamide TABS 125 MG .....	45	ADVOCATE REDI-CODE+ CONTROL SOLUTION HIGH SOLN .	54	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG .....	46
acetazolamide TABS 250 MG .....	45	ADYNOVATE .....	50	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG .....	46
acetic acid (otic) .....	62	AFLURIA 2024-2025 SUSP .....	68	alfuzosin hcl .....	50
acetic acid 0.25 % .....	49	AFLURIA 2024-2025 SUSY .....	68	ALIMTA SOLR 100 MG (pemetrexed disodium) .....	24
acetylcysteine SOLN .....	39	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP .....	68	ALINIA SUSR .....	22
acitretin 10 MG, 17.5 MG .....	41	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY .....	68	aliskiren fumarate .....	21
ACTHAR GEL .....	46	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP .....	68	allopurinol 100 MG, 300 MG .....	50
ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML .....	28	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP .....	68	almotriptan malate 12.5 MG .....	56
acyclovir CAPS .....	34	AFLURIA QUADRIVALENT 2023-		almotriptan malate 6.25 MG .....	56

ALOCRIIL .....	62	amiloride & hydrochlorothiazide ..	46	lansoprazole THPK .....	67
alogliptin benzoate .....	16	amiloride hcl TABS .....	46	amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG .....	1
alogliptin-metformin hcl .....	15	aminocaproic acid TABS .....	52	amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG- 3.75 MG .....	1
alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG .....	15	aminophylline SOLN .....	10	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG .....	1
alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG .....	15	amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML ..	9	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG- 3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG .....	1
ALOMIDE .....	62	amiodarone hcl TABS .....	9	amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG .....	1
alosetron hcl .....	49	amitriptyline hcl TABS .....	15	amphotericin b IV .....	18
alprazolam TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG .....	8	amlodipine besylate TABS .....	35	amphotericin b liposome .....	18
alprazolam TABS 2 MG .....	8	amlodipine besylate-atorvastatin calcium .....	35	ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM .....	63
alprazolam TB24 .....	8	amlodipine besylate-benazepril hcl 20		ampicillin CAPS 500 MG .....	63
alprazolam TBDP .....	8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil .....	20	ampicillin sodium IJ 1 GM .....	63
ALPROLIX .....	50	amlodipine besylate-valsartan ....	20	anagrelide hcl .....	50
ALREX SUSP (loteprednol etabonate) .....	62	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide .....	20	anastrozole .....	26
ALTABAX .....	40	amoxapine .....	15	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR .....	7
ALTUVIIIO .....	50	amoxicillin & pot clavulanate CHEW . 63		ANNOVERA .....	38
ALUNBRIG TABS .....	27	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 63		ANORO ELLIPTA .....	10
ALUNBRIG TBPK .....	27	amoxicillin & pot clavulanate TABS 63		ANZEMET TABS 50 MG .....	17
ALVESCO .....	9	amoxicillin CAPS .....	63	APIDRA SOLN .....	16
alvimopan .....	49	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG . 63			
amantadine hcl CAPS .....	30	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML ....	63		
amantadine hcl SOLN .....	30	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML .....	63		
amantadine hcl TABS .....	30	amoxicillin TABS .....	63		
ambrisentan .....	36	amoxicillin-clarithromycin w/ amoxicillin-clarithromycin w/			
amcinonide CREA .....	42				
amcinonide LOTN .....	42				
amcinonide OINT .....	42				
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML .....	2				



APIDRA SOLOSTAR SOPN	16	aspirin TBEC 325 MG	5	AZATHIOPRINE	58
apomorphine hydrochloride SOCT	30	aspirin TBEC 81 MG	5	azathioprine TABS	58
apraclonidine hcl	61	aspirin-dipyridamole	50	azelaic acid GEL	44
aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG	18	atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	31	azelastine hcl (ophth)	62
aprepitant CAPS 80 MG	18	atazanavir sulfate CAPS 200 MG	31	azelastine hcl	60
aprepitant CAPS	18	atenolol & chlorthalidone	20	AZELEX	39
aprepitant MISC	18	atenolol TABS	34	azithromycin PACK	53
APTIOM	12	ATGAM	58	azithromycin SOLR	53
APTIVUS CAPS	31	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1	azithromycin SUSR	53
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	51	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	azithromycin TABS 250 MG	53
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	51	atorvastatin calcium TABS	19	azithromycin TABS 500 MG	53
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	51	atovaquone	22	azithromycin TABS 600 MG	53
ARCALYST	3	atovaquone-proguanil hcl	23	aztreonam 1 GM	22
AREXVY	68	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML	66	bacitracin (ophthalmic)	61
arformoterol tartrate	10	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	66	bacitracin	21
ARIKAYCE	2	ATROVENT HFA	9	baclofen TABS 10 MG, 20 MG	60
aripiprazole SOLN OR	31	AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPk	64	BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron)	37
aripiprazole TABS	31	AUSTEDO TABS	64	balsalazide disodium CAPS	49
armodafinil	1	AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK	64	BALVERSA	27
ARMOUR THYROID TABS	66	AUSTEDO XR TB24	64	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 12	
ARNUITY ELLIPTA	9	AVONEX PEN AJKT	64	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 12	
arsenic trioxide 10 MG/10ML	28	AVONEX PSKT	64	BARACLUDE SOLN	33
ARZERRA	25	AYVAKIT	26	BASAGLAR KWIKPEN SOPN	16
asenapine maleate 2.5 MG	31	azacitidine SUSR	24	BAVENCIO	25
asenapine maleate 5 MG, 10 MG	31	AZASITE	61	BAXDELA SOLR	48
aspirin CHEW	5			BAXDELA TABS	48
aspirin TABS 325 MG	5			BELEODAQ	27
				BELRAPZO SOLN	24

BELSOMRA .....	52	betamethasone dipropionate (topical) LOTN .....	42	BOOSTRIX SUSY .....	66
benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	21	betamethasone dipropionate (topical) OINT .....	42	bortezomib SOLR IJ .....	27
benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	21	betamethasone dipropionate augmented CREA .....	42	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..	27
benazepril hcl .....	20	betamethasone dipropionate augmented LOTN .....	42	bosentan TABS 125 MG .....	36
bendamustine hcl SOLR .....	24	betamethasone dipropionate augmented OINT .....	42	bosentan TABS 62.5 MG .....	36
BENDAMUSTINE HYDROCHLORIDE SOLN .....	24	betamethasone valerate CREA ...	42	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	27
BENDEKA SOLN .....	24	betamethasone valerate FOAM ...	42	BOSULIF TABS 400 MG .....	27
BENEFIX KIT .....	50	betamethasone valerate LOTN ...	42	BRAFTOVI 75 MG .....	27
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD . 39		betamethasone valerate OINT ....	42	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol) .....	10
BENZEPRO FOAM 5.3 % .....	39	BETASERON KIT .....	64	BREO ELLIPTA .....	10
benzonatate 100 MG .....	39	betaxolol hcl (ophth) SOLN .....	61	BREZTRI AEROSPHERE .....	10
benzonatate 150 MG .....	39	betaxolol hcl .....	34	BRILINTA .....	50
benzonatate 200 MG .....	39	bethanechol chloride 25 MG .....	67	brimonidine tartrate (topical) .....	44
benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 % .....	39	bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG .....	67	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	61
benzoyl peroxide GEL 10 % .....	39	bexarotene (topical) .....	41	brimonidine tartrate-timolol maleate . 61	
benzoyl peroxide GEL 5 % .....	39	bexarotene .....	28	brinzolamide .....	62
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 % .....	39	bicalutamide .....	26	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML ..	12
benzoyl peroxide-erythromycin GEL . 39		BIKTARVY .....	31	BRIVIACT TABS .....	12
benztropine mesylate SOLN .....	29	bimatoprost SOLN .....	62	bromfenac sodium (ophth) .....	62
benztropine mesylate TABS .....	29	bisacodyl SUPP .....	52	bromocriptine mesylate CAPS .....	30
bepotastine besilate .....	62	bisacodyl TBEC .....	52	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG .....	30
BESIVANCE .....	61	bisoprolol & hydrochlorothiazide ..	21	BRUKINSA .....	27
BESPONSA .....	25	bisoprolol fumarate .....	34	budesonide (inhalation) SUSP .....	9
betaine .....	47	bleomycin sulfate 15 UNIT .....	27	budesonide (intrarectal) .....	7
betamethasone dipropionate (topical) CREA .....	42	BLINCYTO .....	25	budesonide (nasal) .....	60
		BOOSTRIX SUSP .....	66	budesonide CPEP .....	38
				budesonide-formoterol fumarate dihydrate .....	10

bumetanide SOLN 0.25 MG/ML ...	46	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG .....	6	candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide .....	21
bumetanide TABS .....	46	butalbital-aspirin-caffeine CAPS ....	4	capecitabine .....	24
buprenorphine hcl SOLN .....	7	butalbital-aspirin-caffeine w/cod ....	6	CAPRELSA .....	27
buprenorphine hcl SUBL .....	7	butenafine hcl .....	40	captopril 12.5 MG .....	20
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG .....	7	butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML .....	7	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG .	20
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG ....	7	butorphanol tartrate NA 10 MG/ML .	7	carbamazepine CHEW .....	12
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL .....	7	cabergoline .....	48	carbamazepine CP12 100 MG ....	12
buprenorphine PTWK .....	7	CABLIVI .....	51	carbamazepine CP12 200 MG ....	12
bupropion hcl (smoking deterrent) 65		CABOMETYX TABS .....	27	carbamazepine CP12 300 MG ....	12
bupropion hcl TABS .....	13	calcipotriene CREA .....	41	carbamazepine SUSP .....	12
bupropion hcl TB12 100 MG .....	13	calcipotriene OINT .....	41	carbamazepine TABS .....	12
bupropion hcl TB12 150 MG .....	13	calcipotriene SOLN .....	41	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG .....	12
bupropion hcl TB12 200 MG .....	13	calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT .....	42	carbamazepine TB12 200 MG ....	12
bupropion hcl TB24 150 MG .....	13	calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP .....	42	carbidopa .....	29
bupropion hcl TB24 300 MG .....	13	calcitonin (salmon) NA .....	46	carbidopa-levodopa TABS .....	30
buspiron hcl 5 MG .....	8	calcitriol (topical) .....	41	carbidopa-levodopa TBCR .....	30
buspiron hcl 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 30 MG .....	8	calcitriol CAPS .....	47	carbidopa-levodopa TBDP .....	30
busulfan SOLN .....	24	calcitriol SOLN IV .....	47	carbidopa-levodopa-entacapone .	30
butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG .....	4	calcium acetate (phosphate binder) CAPS .....	49	carbinoxamine maleate SOLN ....	18
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG .....	4	calcium acetate (phosphate binder) TABs .....	49	carbinoxamine maleate TABS 4 MG .	18
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG .....	4	calcium chloride (dihydrate) SOLN	57	carboplatin SOLN 50 MG/5ML, 150 MG/15ML, 450 MG/45ML .....	24
butalbital-acetaminophen-caffeine TABs 40 MG-50 MG-325 MG .....	4	calcium polycarbophil TABs .....	52	carboplatin SOLN 50 MG/5ML ....	24
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG .....	6	CALQUENCE .....	27	carisoprodol TABS .....	60
		CAMPTOSAR 300 MG/15ML (irinotecan hcl) .....	29	carmustine .....	24
		candesartan cilexetil .....	20	carteolol hcl (ophth) .....	61

caspofungin acetate	18	cephalexin CAPS	36	cholestyramine PACK	19
CAYA DPRH	53	cephalexin SUSR	36	cholestyramine POWD	19
CAYSTON	22	CERDELGA	51	choline fenofibrate	19
cefaclor CAPS	36	CEREZYME 400 UNIT	51	CHORIONIC GONADOTROPIN IM	47
cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML	36	cetirizine hcl TABS	19	ciclopirox GEL	40
cefadroxil CAPS	36	cevimeline hcl	59	ciclopirox olamine CREA	40
cefadroxil SUSR	36	CHEMET	17	ciclopirox olamine SUSP	40
cefadroxil TABS	36	CHEMSTRIP-K STRP	45	ciclopirox SHAM	40
cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	36	chloramphenicol sodium succinate	22	ciclopirox SOLN	40
cefdinir CAPS	36	chlordiazepoxide hcl CAPS	8	cidofovir	33
cefdinir SUSR	36	chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide	66	cilostazol	51
cefepime hcl SOLR IV 2 GM	37	chlordiazepoxide-amitriptyline	64	CIMDUO	31
cefixime CAPS	36	chlorhexidine gluconate (mouth- throat)	59	cimetidine TABS	67
cefixime SUSR	37	chloroquine phosphate TABS 250 MG	23	cinacalcet hcl	47
cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM	37	chloroquine phosphate TABS 500 MG	23	CIPRO SUSR	48
cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	36	chlorpromazine hcl SOLN	31	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	61
cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM	36	chlorpromazine hcl TABS	31	ciprofloxacin hcl (otic)	62
cefpodoxime proxetil SUSR	37	chlorthalidone 25 MG, 50 MG	46	ciprofloxacin hcl TABS	48
cefpodoxime proxetil TABS	37	chlorzoxazone TABS 500 MG	60	ciprofloxacin hcl TABS	48
cefprozil SUSR	36	chlorzoxazone TABS 750 MG	60	ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML	48
cefprozil TABS	36	CHOLBAM	48	ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML	48
ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	37	cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT	71	ciprofloxacin-dexamethasone	62
ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG	37	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT	71	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide	62
ceftriaxone sodium IJ 250 MG	37	cholestyramine light PACK	19	cisplatin SOLN 100 MG/100ML	24
cefuroxime axetil TABS	36	cholestyramine light POWD	19	cisplatin SOLN 50 MG/50ML	24
cefuroxime sodium IJ 750 MG	36			citalopram hydrobromide SOLN	14
celecoxib	4			citalopram hydrobromide TABS 10 MG	14
CELONTIN (methsuximide)	13			citalopram hydrobromide TABS 20	

MG .....	14	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 % .....	39	clotrimazole .....	59
citalopram hydrobromide TABS 40 MG .....	14	clindamycin phosphate-tretinoin ..	39	clotrimazole vaginal CREA 1 % ...	71
cladribine 10 MG/10ML .....	24	CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10% 61		clotrimazole w/ betamethasone CREA .....	40
clarithromycin SUSR .....	53	CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5% 61		clotrimazole w/ betamethasone LOTN .....	40
clarithromycin TABS .....	53	CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20% 61		clozapine TABS .....	31
clarithromycin TB24 .....	53	clobazam SUSP .....	11	clozapine TBDP 100 MG .....	31
CLASSIC PRENATAL TABS .....	59	clobazam TABS .....	11	clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 31	
clemastine fumarate SYRP .....	18	clobetasol propionate CREA 0.05 % .	42	clozapine TBDP 25 MG .....	31
clemastine fumarate TABS 2.68 MG .	19	clobetasol propionate emollient base 0.05 % .....	42	COARTEM .....	23
CLEVER CHOICE GLUCOSE CONTROL HIGH LIQD .....	54	clobetasol propionate FOAM .....	42	codeine sulfate TABS 30 MG .....	5
CLIMARA PRO .....	48	clobetasol propionate GEL 0.05 %	42	CODEINE SULFATE TABS .....	5
clindamycin hcl .....	22	clobetasol propionate OINT 0.05 %	42	colchicine TABS .....	50
clindamycin palmitate hydrochloride .	22	clobetasol propionate SOLN 0.05 % .	42	colchicine w/ probenecid .....	50
clindamycin phosphate (topical) FOAM .....	39	clocortolone pivalate .....	43	colesevelam hcl PACK .....	19
clindamycin phosphate (topical) GEL	39	clofarabine .....	24	colesevelam hcl TABS .....	19
clindamycin phosphate (topical) LOTN .....	39	clomipramine hcl .....	15	colestipol hcl GRAN .....	19
clindamycin phosphate (topical) SOLN .....	39	clonazepam TABS .....	11	colestipol hcl PACK .....	19
clindamycin phosphate (topical) SWAB .....	39	clonidine .....	20	colestipol hcl TABS .....	19
clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML .....	22	clonidine hcl (adhd) TB12 .....	1	COMBIVIR (lamivudine-zidovudine) .	31
clindamycin phosphate vaginal CREA .....	71	clonidine hcl TABS .....	20	COMETRIQ KIT .....	27
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate) .....	39	clopidogrel bisulfate 300 MG .....	51	COMIRNATY 2023-24 SUSP .....	68
		clopidogrel bisulfate 75 MG .....	51	COMIRNATY 2023-24 SUSY .....	68
		clorazepate dipotassium TABS .....	8	COMIRNATY 2024-25 SUSY .....	68
		clotrimazole (topical) CREA .....	40	COMIRNATY SUSP .....	68
		clotrimazole (topical) SOLN .....	40	COMPLERA .....	31
				CONTOUR HIGH CONTROL LIQD	55
				CONTRACE .....	1

COPIKTRA .....	27	cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML ..	58	darifenacin hydrobromide .....	67
CORDRAN TAPE .....	43	CYLTEZO AJKT .....	3	darunavir TABS 600 MG .....	31
CORLANOR SOLN .....	36	CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40		darunavir TABS 800 MG .....	31
CORLANOR TABS (ivabradine hcl)		MG/0.4ML .....	3	DARZALEX .....	25
36		CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40		dasatinib .....	27
CORTISPORIN-TC .....	62	MG/0.8ML .....	3	DAUNORUBICIN	
COSENTYX SENSOREADY PEN		CYLTEZO STARTER PACKAGE		HYDROCHLORIDE SOLN 50	
SOAJ .....	41	FOR CROHNS DISEASE/UC/HS		MG/10ML .....	27
COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	41	AJKT .....	3	DAURISMO .....	26
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML ..	41	CYLTEZO STARTER PACKAGE		DEBACTEROL .....	59
COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	41	FOR PSORIASIS AJKT .....	3	decitabine .....	24
CREON CPEP .....	45	CYLTEZO STARTER PACKAGE		deferasirox PACK .....	17
CRESEMBA CAPS 186 MG .....	18	FOR PSORIASIS/UEITIS AJKT ...	3	deferasirox TABS .....	17
cromolyn sodium (ophth) .....	62	cyproheptadine hcl SYRP .....	19	deferasirox TBSO .....	17
cromolyn sodium NEBU .....	9	cyproheptadine hcl TABS .....	19	deferiprone TABS 500 MG .....	17
crotamiton LOTN .....	44	CYRAMZA .....	25	deferoxamine mesylate .....	17
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6		CYSTAGON CAPS .....	49	deflazacort SUSP .....	38
MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7		CYSTARAN .....	62	deflazacort TABS .....	38
MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-		cytarabine SOLN .....	24	DELESTROGEN 10 MG/ML	
263 MG-11 UNIT-4000 UNIT .....	59	dabigatran etexilate mesylate CAPS .		(estradiol valerate) .....	48
cyanocobalamin SOLN IJ 1000		11		DELSTRIGO .....	31
MCG/ML .....	51	dacarbazine SOLR 200 MG .....	29	demeclocycline hcl TABS .....	66
cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10		dactinomycin .....	27	DEPO-ESTRADIOL .....	48
MG .....	60	dalfampridine .....	64	DEPO-MEDROL SUSP .....	38
cyclophosphamide CAPS .....	24	danazol CAPS .....	7	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY	
cyclophosphamide SOLR IJ .....	24	dantrolene sodium CAPS .....	60	SC .....	38
cycloserine .....	23	dapagliflozin propanediol .....	17	DESCOVY 200 MG-25 MG .....	31
cyclosporine (ophth) EMUL .....	61	dapagliflozin propanediol-metformin		DESFERAL 500 MG (deferoxamine	
cyclosporine CAPS .....	58	hcl 1000 MG-10 MG .....	15	mesylate) .....	17
cyclosporine modified (for		dapagliflozin propanediol-metformin		desipramine hcl TABS .....	15
microemulsion) CAPS .....	58	hcl 1000 MG-5 MG .....	15	desloratadine TABS .....	19
cyclosporine modified (for		dapsone .....	22	desloratadine TBDP 2.5 MG .....	19
microemulsion) SOLN .....	58	daptomycin 500 MG .....	22		

desmopressin acetate SOLN IJ ... 47	dexamethasone SOLN ..... 38	diclofenac potassium TABS 50 MG . 4
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA ..... 47	dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG ..... 38	diclofenac sodium (actinic keratoses) EX ..... 41
desmopressin acetate spray ..... 47	dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG ..... 38	diclofenac sodium (ophth) ..... 62
desmopressin acetate spray refrigerated ..... 47	dexchlorpheniramine maleate SOLN . 18	diclofenac sodium (topical) GEL EX 41
desmopressin acetate TABS 0.1 MG 48	dexlansoprazole ..... 67	diclofenac sodium TB24 ..... 4
desmopressin acetate TABS 0.2 MG 48	dexmethylphenidate hcl CP24 ..... 2	diclofenac sodium TBEC ..... 4
desogestrel & ethinyl estradiol ..... 37	dexmethylphenidate hcl TABS ..... 2	diclofenac w/ misoprostol TBEC .... 4
desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic) ..... 37	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG ..... 1	dicloxacillin sodium ..... 63
desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic) ..... 37	dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG ..... 1	dicyclomine hcl CAPS ..... 66
desonide CREA ..... 43	dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG . 1	dicyclomine hcl SOLN OR ..... 66
desonide LOTN ..... 43	dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG ..... 1	dicyclomine hcl TABS ..... 66
desonide OINT ..... 43	dextrose in lactated ringers ..... 57	DIFFERIN LOTN ..... 39
desoximetasone CREA 0.25 % .... 43	DIACOMIT CAPS 250 MG ..... 12	DIFICID TABS ..... 53
desoximetasone GEL ..... 43	DIACOMIT CAPS 500 MG ..... 12	diflorasone diacetate CREA ..... 43
desoximetasone OINT 0.25 % .... 43	DIACOMIT PACK 250 MG ..... 12	diflorasone diacetate OINT ..... 43
desvenlafaxine succinate 100 MG .14	DIACOMIT PACK 500 MG ..... 12	diflunisal TABS ..... 5
desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG ..... 14	DIATRUE GLUCOSE CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN ..... 55	difluprednate ..... 62
dexamethasone ELIX ..... 38	diazepam (anticonvulsant) GEL ... 11	digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML .... 35
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC ..... 38	diazepam CONC ..... 8	digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG ..... 35
dexamethasone sodium phosphate (ophth) ..... 62	diazepam SOLN OR 5 MG/5ML .... 8	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML ..... 56
dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML ..... 38	diazepam TABS ..... 8	dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML ..... 56
dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML ..... 38	diazoxide ..... 16	DILANTIN (phenytoin sodium extended) ..... 13
	dichlorphenamide ..... 45	DILANTIN ..... 13
	diclofenac epolamine PTCH EX ... 41	DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin) ..... 13
		DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) . 13

diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG .....	35	docusate calcium .....	52	100 MG .....	66
diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG .....	35	docusate sodium CAPS 100 MG ..	52	doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG .....	66
diltiazem hcl CP12 .....	35	docusate sodium CAPS 250 MG ..	52	doxycycline hyclate CAPS .....	66
diltiazem hcl CP24 .....	35	dofetilide .....	9	doxycycline hyclate SOLR .....	66
diltiazem hcl extended release beads .....	35	donepezil hydrochloride TABS 10 MG .....	64	doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG .....	66
diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML ..	35	donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG .....	64	doxylamine-pyridoxine TBEC .....	18
DILTIAZEM HCL SOLR .....	35	donepezil hydrochloride TBDP 10 MG .....	64	dronabinol CAPS .....	18
diltiazem hcl TABS .....	35	donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 64		drosiprenone-ethinyl estradiol .....	37
diltiazem hcl TB24 .....	35	DOPTELET .....	51	drosiprenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium .....	37
dimethyl fumarate CDPK .....	64	dorzolamide hcl .....	62	DROXIA CAPS .....	51
dimethyl fumarate CPDR .....	64	dorzolamide hcl-timolol maleate ..	61	DUAVEE .....	48
DIPENTUM .....	49	DOVATO .....	31	DULERA .....	10
diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 19		doxazosin mesylate .....	20	duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG .....	14
diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML .....	19	doxepin hcl (antipruritic) .....	41	duloxetine hcl CPEP 40 MG .....	14
diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML .....	19	doxepin hcl (sleep) .....	52	DUPIXENT SOPN 200 MG/1.14ML 44	
diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML .....	19	doxepin hcl CAPS .....	15	DUPIXENT SOPN 300 MG/2ML ..	44
diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	17	doxepin hcl CONC .....	15	DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML 44	
diphenoxylate w/ atropine TABS ...	17	doxercalciferol CAPS .....	47	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 44	
dipyridamole .....	51	doxercalciferol SOLN .....	47	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	44
disopyramide phosphate CAPS .....	8	doxorubicin hcl liposomal .....	27	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI .....	53
disulfiram .....	64	doxorubicin hcl SOLN .....	27	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC .....	53
divalproex sodium TB24 .....	13	doxorubicin hcl SOLR 10 MG .....	27	DUREX TROPICAL MISC .....	53
divalproex sodium TBEC .....	13	doxorubicin hcl SOLR 50 MG .....	27	dutasteride .....	50
docetaxel CONC 20 MG/ML .....	29	doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG .....	66	dutasteride-tamsulosin hcl .....	50
docetaxel SOLN 20 MG/2ML .....	29	doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG .....	66		
		doxycycline (monohydrate) TABS			



EASY PLUS II CONTROL SOLUTION HIGH SOLN .....	55	ELIQUIS TABS .....	11	enalapril maleate TABS .....	20
EASY STEP CONTROL SOLUTION HIGH SOLN .....	55	ELITEK .....	29	ENBREL MINI SOCT .....	4
EASY TALK CONTROL SOLUTION HIGH SOLN .....	55	ELLA .....	38	ENBREL SOLN .....	4
EASY TALK PLUS II CONTROLHIGH SOLN .....	55	ELLIOTTS B .....	57	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML .....	4
EASY TRAK GLUCOSE CONTROLSOLUTION HIGH SOLN 55		ELMIRON CAPS .....	50	ENBREL SOSY 50 MG/ML .....	4
econazole nitrate CREA .....	40	ELOCTATE .....	50	ENBREL SURECLICK SOAJ .....	4
EDARBI .....	20	EMBRACE GLUCOSE CONTROL SOLUTION HIGH LIQD .....	55	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ...	68
EDURANT .....	31	EMBRACE TALK GLUCOSE CONTROL SOLUTION HIGH SOLN . 55		ENGERIX-B SUSY .....	68
efavirenz CAPS 200 MG .....	31	EMCYT .....	26	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML .....	11
efavirenz CAPS 50 MG .....	31	EMFLAZA SUSP (deflazacort) .....	38	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML .....	11
efavirenz TABS .....	32	EMFLAZA TABS (deflazacort) .....	38	enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML .....	11
efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate .....	32	EMGALITY SOAJ .....	56	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML .....	11
efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate .....	32	EMGALITY SOSY 100 MG/ML ...	56	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML .....	11
EGRIFTA 2 MG .....	47	EMGALITY SOSY 120 MG/ML ...	56	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML .....	11
EGRIFTA SV .....	47	EMPLICITI .....	25	ENSPRYNG .....	58
ELAPRASE .....	47	EMSAM .....	13	entacapone .....	30
electrolyte-148 .....	57	emtricitabine CAPS .....	32	entecavir TABS .....	33
electrolyte-a .....	57	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG .....	32	EPIDIOLEX .....	12
ELEMENT HIGH CONTROL LIQD	55	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG .....	32	epinastine hcl (ophth) .....	62
ELESTRIN GEL .....	48	EMTRIVA CAPS (emtricitabine) ...	32	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML .....	71
eletriptan hydrobromide .....	56	EMTRIVA SOLN .....	32	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML .....	71
ELIGARD KIT SC 7.5 MG .....	26	EMVERM CHEW .....	8	EPIVIR HBV SOLN .....	33
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG .....	26	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG	21	EPIVIR HBV TABS (lamivudine (hbv)) .....	33
ELIQUIS STARTER PACK TBPK .	11	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG	21	EPIVIR SOLN (lamivudine) .....	32

EPIVIR TABS 150 MG (lamivudine) 32	erythromycin (ophth) ..... 61	ethacrynic acid ..... 46
EPIVIR TABS 300 MG (lamivudine) 32	erythromycin base CPEP ..... 53	ethambutol hcl TABS ..... 23
eplerenone ..... 21	erythromycin base TABS ..... 53	ethosuximide CAPS ..... 13
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML ..... 51	erythromycin base TBEC ..... 53	ethosuximide SOLN ..... 13
epoprostenol sodium ..... 35	erythromycin ethylsuccinate SUSR 53	ethynodiol diacet & eth estrad ..... 37
EPZICOM (abacavir sulfate- lamivudine) ..... 32	erythromycin ethylsuccinate TABS 53	etodolac CAPS ..... 4
EQL PRENATAL FORMULA TABS 59	escitalopram oxalate SOLN ..... 14	etodolac TABS ..... 4
EQUETRO 100 MG ..... 30	escitalopram oxalate TABS 10 MG 14	etonogestrel-ethinyl estradiol ..... 38
EQUETRO 200 MG ..... 30	escitalopram oxalate TABS 20 MG 14	ETOPOPHOS ..... 29
EQUETRO 300 MG ..... 30	escitalopram oxalate TABS 5 MG . 14	etoposide CAPS ..... 29
ERAXIS ..... 18	esomeprazole magnesium CPDR 20 MG ..... 67	etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML ..... 29
ERBITUX ..... 25	esomeprazole magnesium CPDR 40 MG ..... 67	etravirine 100 MG ..... 32
ergocalciferol CAPS ..... 71	esomeprazole magnesium TBEC .67	etravirine 200 MG ..... 32
ergocalciferol SOLN OR ..... 71	ESPEROCT ..... 50	EUCRISA ..... 44
ergoloid mesylates TABS ..... 65	estazolam ..... 52	EVAMIST SOLN ..... 48
ERGOMAR SUBL ..... 56	estradiol GEL 0.06 % ..... 48	everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG ..... 58
ergotamine w/ caffeine TABS ..... 56	estradiol GEL 0.25 MG/0.25GM, 0.5 MG/0.5GM, 0.75 MG/0.75GM, 1 MG/GM, 1.25 MG/1.25GM ..... 48	everolimus (immunosuppressant) 1 MG ..... 58
eribulin mesylate ..... 29	estradiol PTTW ..... 48	everolimus TABS ..... 27
ERIVEDGE ..... 26	estradiol PTWK ..... 48	EVOMELA IV ..... 24
ERLEADA 240 MG ..... 26	estradiol TABS ..... 48	EVOTAZ ..... 32
ERLEADA 60 MG ..... 26	estradiol vaginal CREA ..... 71	exemestane ..... 26
ertotinib hcl ..... 25	estradiol vaginal TABS ..... 71	ezetimibe ..... 20
ERTACZO ..... 40	estradiol valerate ..... 48	ezetimibe-simvastatin ..... 19
ertapenem sodium IJ ..... 22	ESTROGEL GEL (estradiol) ..... 48	famciclovir 125 MG, 250 MG ..... 34
erythromycin (acne aid) PADS ..... 39	eszopiclone ..... 52	famciclovir 500 MG ..... 34
erythromycin (acne aid) SOLN ..... 39		famotidine in nacl SOLN ..... 67
		famotidine SOLN 20 MG/2ML ..... 67
		famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200

MG/20ML .....	67	ferrous fumarate-folic acid .....	51	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP .....	69
famotidine SUSR .....	67	ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML ..	51	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY .....	69
famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	67	ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG .....	51	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP .....	69
FANAPT .....	30	ferrous sulfate TBEC 325 MG .....	51	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY .....	69
FANAPT TITRATION PACK .....	30	fesoterodine fumarate .....	67	fluconazole SUSR .....	18
FANTASY LUBRICATED MISC ...	53	FETZIMA CP24 .....	14	fluconazole TABS .....	18
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 53		FETZIMA TITRATION PACK C4PK 14		flucytosine .....	18
FARXIGA (dapagliflozin propanediol) .....	17	finasteride .....	50	fludarabine phosphate SOLN .....	24
FARXIGA .....	17	fingolimod hcl .....	64	fludarabine phosphate SOLR .....	24
FASENRA PEN SOAJ .....	9	FIRDAPSE .....	23	fludrocortisone acetate TABS .....	39
FASENRA SOSY 30 MG/ML .....	9	FIRMAGON .....	26	FLULAVAL 2024-2025 SUSY .....	69
FC2 FEMALE CONDOM .....	53	flavoxate hcl .....	67	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY .....	69
febuxostat .....	50	flecainide acetate .....	9	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY .....	69
felbamate SUSP .....	13	floxuridine .....	24	FLUMIST NASAL VACCINE 2024- 2025 .....	69
felbamate TABS 400 MG .....	13	FLUAD 2024-2025 .....	68	FLUMIST QUADRIVALENT .....	69
felbamate TABS 600 MG .....	13	FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023 .....	68	flunisolide (nasal) 0.025 % .....	60
felodipine .....	35	FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024 .....	68	fluocinolone acetonide (otic) .....	63
FEMCAP DEVI .....	53	FLUARIX 2024-2025 SUSY .....	68	fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 43	
FEMRING .....	71	FLUARIX QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY .....	68	fluocinolone acetonide CREA 0.025 % .....	43
fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG ...	19	FLUARIX QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY .....	68	fluocinolone acetonide OIL .....	43
fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG .....	19	FLUBLOK 2024-2025 SOSY .....	68	fluocinolone acetonide OINT .....	43
fenoprofen calcium TABS .....	4	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022- 2023 .....	68	fluocinolone acetonide SOLN .....	43
FENSOLVI SC .....	47	FLUBLOK QUADRIVALENT 2023- 2024 .....	69	fluocinonide CREA 0.05 % .....	43
fentanyl citrate LPOP .....	5	FLUCELVAX 2024-2025 SUSP ...	69	fluocinonide CREA 0.1 % .....	43
fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR .....	5	FLUCELVAX 2024-2025 SUSY ...	69		

fluocinonide emulsified base	43	fluticasone propionate (nasal) SUSP .	FML OINT	62	
fluocinonide GEL	43	60	folic acid TABS	51	
fluocinonide OINT	43	fluticasone propionate CREA 0.05 %	FOLOTYN 40 MG/2ML	24	
fluocinonide SOLN	43	43	fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML .	11	
fluorometholone (ophth) SUSP	62	fluticasone propionate hfa	9	fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML, 7.5 MG/0.6ML, 10 MG/0.8ML	11
fluorouracil (topical) CREA 5 %	41	fluticasone propionate LOTN	43	FORA CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	55
fluorouracil (topical) SOLN	41	fluticasone propionate OINT	43	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	45
fluorouracil 1 GM/20ML, 2.5 GM/50ML, 5 GM/100ML	24	fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	10	FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	45
fluorouracil 500 MG/10ML	24	fluticasone-salmeterol AERO	10	FORACARE GDH CONTROL SOLUTION HIGH SOLN	55
fluoxetine hcl CAPS 10 MG	14	fluvastatin sodium CAPS 20 MG	19	formoterol fumarate NEBU	10
fluoxetine hcl CAPS 20 MG	14	fluvastatin sodium CAPS 40 MG	19	FORTEO SOPN (teriparatide (recombinant))	46
fluoxetine hcl CAPS 40 MG	14	fluvoxamine maleate TABS 100 MG .	14	FORTISCARE CONTROL SOLUTIONS HIGH SOLN	55
fluoxetine hcl CPDR	14	fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG	14	FOSAMAX PLUS D	46
fluoxetine hcl SOLN	14	FLUZONE 2024-2025 SUSP	69	fosamprenavir calcium TABS	32
fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG 14	14	FLUZONE 2024-2025 SUSY	69	fosfomycin tromethamine	22
fluoxetine hcl TABS 20 MG	14	FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY	69	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide	21
fluphenazine hcl CONC	31	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022- 2023	69	fosinopril sodium	20
fluphenazine hcl ELIX	31	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023- 2024	69	fosphenytoin sodium	13
fluphenazine hcl SOLN	31	FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	69	FRAGMIN SOSY	11
flurandrenolide CREA	43	FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	69	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	55
flurandrenolide LOTN	43	FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	69	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	55
flurazepam hcl	52	FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	69	FML FORTE SUSP	62
flurbiprofen sodium	62	FML FORTE SUSP	62		
flurbiprofen TABS	4				
flutamide	26				
fluticasone furoate-vilanterol	10				
fluticasone propionate (inhalation) AEPB	9				

FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....	55	GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML .....	63	GENVOYA .....	32
FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....	55	GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML .....	63	GILOTRIF .....	25
FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....	55	GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR .....	63	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML .	64
FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM .....	55	GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML .....	63	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML .	65
FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM .....	55	GAMUNEX-C .....	63	GLEOSTINE 10 MG .....	24
frovatriptan succinate .....	56	ganciclovir sodium SOLR .....	33	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG .....	24
fulvestrant SOSY .....	26	ganirelix acetate .....	47	glimepiride 1 MG, 2 MG .....	17
furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML .....	46	GARDASIL 9 SUSP .....	69	glimepiride 4 MG .....	17
furosemide TABS .....	46	GARDASIL 9 SUSY .....	69	glipizide TABS 5 MG, 10 MG .....	17
FUZEON SOLR .....	32	gatifloxacin (ophth) .....	61	glipizide TB24 .....	17
FYCOMPA TABS 2 MG .....	11	GAZYVA .....	25	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG .....	15
FYCOMPA TABS 4 MG .....	11	gefitinib .....	25	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG .....	15
FYCOMPA TABS 6 MG .....	11	gemcitabine hcl SOLR 1 GM .....	24	GLUCAGEN DIAGNOSTIC .....	45
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG .....	11	gemcitabine hcl SOLR 2 GM .....	24	glucagon (rdna) .....	16
gabapentin CAPS .....	12	gemcitabine hcl SOLR 200 MG .....	24	GLUCOCOM HIGH CONTROL LIQD .....	55
gabapentin SOLN .....	12	gemfibrozil TABS .....	19	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG .....	17
gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12		GENOTROPIN CART SC .....	47	glyburide TABS .....	17
GALAFOLD .....	47	GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	47	glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG .....	15
galantamine hydrobromide CP24 ..	64	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 % .....	2	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG .....	15
galantamine hydrobromide SOLN ..	64	gentamicin sulfate (ophth) OINT ..	61	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..	49
galantamine hydrobromide TABS ..	64	gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..	61	glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML .....	66
		gentamicin sulfate (topical) CREA ..	40	glycopyrrolate TABS 1 MG .....	66
		gentamicin sulfate (topical) OINT ..	40	glycopyrrolate TABS 2 MG .....	66
		gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML .....	2	GLYXAMBI .....	15

GNP PRENATAL TABS ..... 59	HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11	108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML ..... 6
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS .....45	HEPLISAV-B SOSY .....70	hydrocodone-acetaminophen SOLN . 6
granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML 17	HEPSERA (adefovir dipivoxil) .....33	hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG .....6
granisetron hcl TABS ..... 17	HUMATROPE CART IJ .....47	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG .....6
GRANIX SOLN .....51	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML .....3	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG .....6
GRANIX SOSY .....51	HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML .3	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG .....7
GRASTEK SUBL .....2	HUMIRA PEN PNKT .....3	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG .....7
griseofulvin microsize SUSP .....18	HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT .....3	hydrocortisone (intrarectal) .....7
griseofulvin microsize TABS ..... 18	HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT .....3	hydrocortisone (rectal) EX .....7
griseofulvin ultramicrosize .....18	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT .....3	hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 % .....43
guanfacine hcl (adhd) .....1	HUMIRA PSKT .....3	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % . 43
guanfacine hcl .....20	HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC .... 16	hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 % .....43
GYNAZOLE-1 .....71	HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC .....16	hydrocortisone acetate (rectal) .....7
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ ....3	HYCAMTIN CAPS ..... 29	hydrocortisone butyrate CREA .... 43
HADLIMA SOSY ..... 3	hydralazine hcl SOLN .....21	hydrocortisone butyrate OINT ..... 43
HAEGARDA SOLR SC ..... 50	hydralazine hcl TABS .....21	hydrocortisone butyrate SOLN .... 43
HALAVEN (eribulin mesylate) ....29	hydrochlorothiazide CAPS .....46	hydrocortisone TABS ..... 38
halcinonide CREA .....43	hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 46	hydrocortisone vaginal ..... 71
halobetasol propionate CREA ....43	hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG ..... 46	hydrocortisone valerate CREA .... 43
halobetasol propionate OINT .....43	hydrocodone bitartrate T24A .....5	hydrocortisone valerate OINT ..... 43
HALOG OINT .....43	hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER .39	hydrocortisone w/acetic acid .....63
haloperidol decanoate .....30	hydrocodone-acetaminophen SOLN	hydromorphone hcl LIQD ..... 5
haloperidol lactate CONC .....30		hydromorphone hcl SOLN IJ 10
haloperidol lactate SOLN ..... 30		
haloperidol TABS ..... 31		
HAVRIX .....70		
HEMANGEOL SOLN OR .....34		
heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML ..... 11		

MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML . 5	idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML .....27	INGREZZA CPSP .....64
hydromorphone hcl TABS .....5	IDELVION .....50	INLYTA .....25
hydromorphone hcl TB24 32 MG ...5	IFEX SOLR .....24	INREBIC .....27
hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG .....5	ifosfamide SOLN 1 GM/20ML .....24	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN . 16
hydroxychloroquine sulfate 100 MG 23	ifosfamide SOLR .....24	INSULIN ASPART PENFILL SOCT 16
hydroxychloroquine sulfate 200 MG 23	IFOSFAMIDE SOLR .....24	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN .....16
hydroxychloroquine sulfate 400 MG 23	imatinib mesylate .....27	INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP .....16
hydroxyurea .....29	IMBRUVICA CAPS 140 MG .....27	INSULIN ASPART SOLN IJ .....16
hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML ..8	IMBRUVICA CAPS 70 MG .....27	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN .....16
hydroxyzine hcl SYRP .....8	IMBRUVICA SUSP .....27	INSULIN DEGLUDEC SOLN .....16
hydroxyzine hcl TABS .....8	IMBRUVICA TABS .....27	INTELENCE 100 MG (etravirine) ..32
hydroxyzine pamoate CAPS .....8	IMFINZI .....25	INTELENCE 200 MG (etravirine) ..32
HYPERSAL NEBU .....39	imipenem-cilastatin IV .....22	INTELENCE 25 MG .....32
HYQVIA .....63	imipramine hcl TABS .....15	INTRAROSA .....71
HYSINGLA ER T24A .....5	imipramine pamoate .....15	IONOSOL-MB/DEXTROSE 5% ...57
ibandronate sodium SOLN .....46	imiquimod 5 % .....44	IOPIDINE .....61
ibandronate sodium TABS .....46	IMLYGIC .....29	IPOL INACTIVATED IPV .....70
IBRANCE CAPS .....27	IMPAVIDO .....21	ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 60
IBRANCE TABS .....27	INCRELEX .....47	ipratropium bromide (nasal) 0.06 % 60
ibuprofen SUSP 100 MG/5ML .....4	INCRUSE ELLIPTA .....9	ipratropium bromide SOLN 0.02 % .9
ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG ..4	indapamide TABS 1.25 MG .....46	ipratropium-albuterol SOLN .....10
ibuprofen TABS 800 MG .....4	indapamide TABS 2.5 MG .....46	irbesartan .....20
icatibant acetate SOLN .....50	indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG 4	irbesartan-hydrochlorothiazide ....21
icatibant acetate SOSY .....50	indomethacin CPCR .....4	IRESSA (gefitinib) .....25
ICLUSIG .....27	INFED .....51	
icosapent ethyl 1 GM .....19	INFINITY CONTROL SOLUTION HIGH SOLN .....55	
idarubicin hcl 20 MG/20ML .....27	INFLECTRA SOLR .....49	
	INGREZZA CAPS .....64	
	INGREZZA CPPK .....64	

irinotecan hcl 300 MG/15ML .....	29	JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG .....	15	ketotifen fumarate (ophth) 0.035 % 62
irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML .....	29	JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG .....	15	KEVZARA SOAJ .....
irrigation solutions, physiological ..	58	JANUVIA .....	16	KEVZARA SOSY .....
ISENTRESS CHEW .....	32	JARDIANCE .....	17	KEYTRUDA .....
ISENTRESS HD TABS .....	32	JEVTANA .....	29	KHAPZORY .....
ISENTRESS PACK .....	32	JIVI .....	50	KIMONO COLORS DEVI .....
ISENTRESS TABS .....	32	JULUCA .....	32	KIMONO LUBRICATED MISC ....
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5% .....	57	JYNARQUE TBPK .....	48	KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC .....
ISOLYTE-S .....	57	KADCYLA .....	25	KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC
isoniazid SOLN .....	23	KALETRA SOLN (lopinavir-ritonavir) . 32	32	53
isoniazid SYRP .....	23	KALETRA TABS (lopinavir-ritonavir) . 32	32	KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC .....
isoniazid TABS .....	23	KALYDECO TABS .....	65	53
isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG .....	8	KAMELEON LUBRICATED MISC .	53	KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC
isosorbide dinitrate-hydralazine hcl 35		KANJINTI .....	25	53
isosorbide mononitrate TABS .....	8	KCL 0.3%/D5W/NAACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride) .....	57	KIMONO PS LUBRICATED MISC .
isosorbide mononitrate TB24 .....	8	KEPIVANCE 6.25 MG .....	29	53
isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG .....	39	KESIMPTA .....	65	KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC
isradipine CAPS .....	35	ketoconazole (topical) CREA .....	40	53
itraconazole CAPS .....	18	ketoconazole (topical) SHAM 2 % .	40	KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC .....
itraconazole SOLN .....	18	ketoconazole .....	18	54
ivabradine hcl TABS .....	36	KETONE STRP .....	45	KIMONO SPECIAL DEVI .....
ivermectin (pediculicide) .....	44	KETONE TEST STRIPS STRP ...	45	54
ivermectin .....	8	ketoprofen CAPS 50 MG .....	4	KINRIX SUSY .....
IXEMPRA KIT 15 MG .....	29	ketorolac tromethamine (ophth) ..	62	66
IXEMPRA KIT 45 MG .....	29	ketorolac tromethamine TABS .....	4	KISQALI .....
JAKAFI .....	27	KETOSTIX STRP .....	45	27
JANUMET TABS .....	15			KISQALI FEMARA 200 DOSE ....
				27
				KISQALI FEMARA 400 DOSE ....
				27
				KISQALI FEMARA 600 DOSE ....
				27
				KLARITY-A .....
				61



KOGENATE FS KIT .....	50	lamotrigine TABS .....	12	levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML ....	10
KOSELUGO .....	27	lamotrigine TBDP .....	12	levalbuterol tartrate .....	10
KOVALTRY .....	50	LANOXIN SOLN IJ (digoxin) .....	35	LEVEMIR FLEXPEN SOPN .....	16
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS .....	59	LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin) .....	35	LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN ...	16
KRINTAFEL .....	23	lansoprazole CPDR 15 MG .....	67	LEVEMIR SOLN .....	16
K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI .....	54	lansoprazole CPDR 30 MG .....	67	levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 12	
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ...	54	lanthanum carbonate CHEW .....	49	levetiracetam TABS 1000 MG .....	12
KYPROLIS .....	28	lapatinib ditosylate .....	28	levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG .....	12
labetalol hcl SOLN .....	34	LASTACRAFT .....	62	levetiracetam TABS 500 MG .....	12
labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG . 34		latanoprost SOLN .....	62	levetiracetam TB24 .....	12
labetalol hcl TABS 300 MG .....	34	leflunomide .....	4	levobunolol hcl 0.5 % .....	61
lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML . 12		lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG .....	58	levocetirizine dihydrochloride SOLN 19	
lacosamide TABS .....	12	lenalidomide 20 MG .....	58	levocetirizine dihydrochloride TABS 19	
lactated ringer's (irrigation) .....	58	LENVIMA 10 MG DAILY DOSE ..	25	levofloxacin (ophth) 0.5 % .....	61
lactated ringer's .....	57	LENVIMA 12MG DAILY DOSE ...	25	levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML .....	48
lactic acid (ammonium lactate) CREA .....	44	LENVIMA 14 MG DAILY DOSE ..	25	levofloxacin SOLN OR .....	48
lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 % .....	44	LENVIMA 18 MG DAILY DOSE ..	25	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG . 48	
lactulose (encephalopathy) .....	49	LENVIMA 20 MG DAILY DOSE ..	25	levofloxacin TABS 500 MG .....	48
lactulose SOLN .....	52	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE ..	25	levonorgestrel & eth estradiol TABS 37	
lamivudine (hbv) TABS .....	33	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE ...	25	levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG .....	38
lamivudine SOLN .....	32	LENVIMA 8 MG DAILY DOSE ...	25	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic) .....	37
lamivudine TABS 150 MG .....	32	letrozole .....	26	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91- day) 0.03 MG-0.15 MG .....	37
lamivudine TABS 300 MG .....	32	leucovorin calcium SOLR .....	29	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous) .....	37
lamivudine-zidovudine .....	32	leucovorin calcium TABS .....	29		
lamotrigine CHEW 25 MG .....	12	LEUKERAN .....	24		
lamotrigine CHEW 5 MG .....	12	LEUKINE SOLR IJ .....	51		
		leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML .....	26		
		levalbuterol hcl .....	10		

levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 37	lithium carbonate CAPS ..... 30	lubiprostone ..... 49
levorphanol tartrate TABS 2 MG .....5	lithium carbonate TABS .....30	LUCEMYRA (lofexidine hcl) ..... 64
levothyroxine sodium TABS ..... 66	lithium carbonate TBCR ..... 30	luliconazole .....40
LEXIVA SUSP ..... 32	LO LOESTRIN FE TABS ..... 37	LUMIZYME .....47
LEXIVA TABS (fosamprenavir calcium) ..... 32	lofexidine hcl ..... 64	LUMOXITI .....25
LIBERTY CONTROL SOLUTION HIGH SOLN .....55	LOKELMA ..... 58	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM .....26
LIBTAYO ..... 25	loperamide hcl CAPS ..... 17	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM .....26
lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 % .....53	lopinavir-ritonavir SOLN ..... 32	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM . 26
lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ...59	lopinavir-ritonavir TABS .....32	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM . 26
lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ...59	loratadine CAPS ..... 19	LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) . 47
lidocaine hcl GEL 2 % ..... 44	loratadine CHEW .....19	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG ..... 47
lidocaine hcl PRSY ..... 44	loratadine SOLN ..... 19	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG .....47
lidocaine hcl SOLN ..... 44	loratadine TABS .....19	lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG ..... 30
lidocaine PTCH 5 % ..... 44	loratadine TBDP ..... 19	lurasidone hcl 80 MG ..... 30
lidocaine-prilocaine CREA .....44	lorazepam CONC ..... 8	LYNPARZA TABS ..... 28
lincomycin hcl ..... 22	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG .... 8	LYSODREN .....26
linezolid SUSR .....22	lorazepam TABS 1 MG .....8	mafenide acetate PACK ..... 42
linezolid TABS ..... 22	LORBRENA ..... 28	magnesium sulfate IJ 50 % .....57
LINZESS .....49	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG ..... 21	malathion .....44
liothyronine sodium SOLN .....66	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG . 21	maraviroc TABS 150 MG ..... 32
liothyronine sodium TABS ..... 66	losartan potassium .....20	maraviroc TABS 300 MG ..... 32
lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1	LOTEMAX OINT ..... 62	MARPLAN .....13
lisdexamfetamine dimesylate CHEW . 1	loteprednol etabonate GEL ..... 62	MASONATAL TABS ..... 59
lisinopril & hydrochlorothiazide ....21	loteprednol etabonate SUSP ..... 62	MATULANE ..... 29
lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG ..... 20	lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ... 19	MAXIDEX SUSP OP .....62
lithium .....30	lovastatin TABS 40 MG .....20	MAXX LUBRICATED MISC ..... 54
	loxapine succinate .....31	

MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC .....	54	meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML .....	5	methazolamide TABS .....	45
meclizine hcl TABS 12.5 MG .....	18	meperidine hcl TABS 50 MG .....	5	methenamine hippurate .....	22
meclizine hcl TABS 25 MG .....	18	meprobamate .....	8	methimazole TABS .....	66
meclofenamate sodium CAPS .....	4	mercaptapurine TABS .....	24	METHITEST TABS .....	7
MEDROL TABS .....	38	meropenem .....	22	methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG .....	60
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM .....	38	mesalamine CP24 .....	49	METHOTREXATE .....	3
medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM .....	38	mesalamine CPDR .....	49	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML .....	25
medroxyprogesterone acetate 10 MG .....	63	mesalamine ENEM .....	49	methotrexate sodium SOLR .....	25
medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG .....	63	mesalamine SUPP .....	49	methotrexate sodium TABS 2.5 MG 25	
mefenamic acid CAPS .....	4	mesalamine TBEC 1.2 GM .....	49	methoxsalen rapid .....	41
mefloquine hcl .....	23	mesalamine TBEC 800 MG .....	49	methscopolamine bromide .....	66
megestrol acetate (appetite) .....	64	mesna SOLN .....	29	methsuximide .....	13
megestrol acetate SUSP .....	26	MESNEX SOLN (mesna) .....	29	methyl dopa TABS .....	20
megestrol acetate TABS .....	26	metaxalone 800 MG .....	60	methylphenidate hcl CHEW 10 MG .2	
MEKINIST TABS .....	28	metformin hcl TABS 1000 MG .....	16	methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG 2	
MEKTOVI .....	28	metformin hcl TABS 500 MG .....	16	methylphenidate hcl CHEW 5 MG ..2	
meloxicam TABS .....	4	metformin hcl TABS 850 MG .....	16	methylphenidate hcl CP24 10 MG, 60 MG .....	2
melphalan .....	24	metformin hcl TB24 500 MG .....	16	methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG .....	2
melphalan hcl IV .....	24	metformin hcl TB24 750 MG .....	16	methylphenidate hcl CP24 30 MG ..2	
memantine hcl TABS .....	64	methadone hcl CONC .....	5	methylphenidate hcl CP24 .....	2
MENACTRA .....	68	methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML .5		methylphenidate hcl CP24 .....	2
MENEST .....	48	METHADONE HCL SOLN IJ .....	5	methylphenidate hcl CPCR .....	2
MENOSTAR PTWK .....	48	methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML .....	5	methylphenidate hcl SOLN .....	2
MENQUADFI .....	68	methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML 5		methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG .....	2
MENVEO SOLR .....	68	methadone hcl TABS 10 MG .....	5	methylphenidate hcl TABS 5 MG ...2	
meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML .....	5	methadone hcl TABS 5 MG .....	5	methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG .....	2
		methadone hcl TBSO .....	5		
		methamphetamine hcl .....	1		

methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG .....	2	44	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP .	70
methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG .....	2	metronidazole (topical) GEL 1 % ..	44	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSY .
methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG .....	2	metronidazole (topical) LOTN .....	44	70
methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG .....	2	metronidazole TABS .....	21	MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP .....
methylphenidate PTCH .....	2	metronidazole vaginal .....	71	70
methylprednisolone acetate SUSP 38		mexiletine hcl .....	8	MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP .....
methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG .....	38	micafungin sodium .....	18	70
methylprednisolone TABS .....	38	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG .....	71	moexipril hcl .....
methylprednisolone TBPK .....	38	midodrine hcl .....	71	20
metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML .....	49	miglitol .....	15	mometasone furoate (nasal) SUSP 60
metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML .....	49	miglustat .....	51	mometasone furoate CREA .....
metoclopramide hcl TABS .....	49	minocycline hcl CAPS .....	66	43
metolazone .....	46	minocycline hcl TABS .....	66	mometasone furoate OINT .....
metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG .....	21	minoxidil 2.5 MG, 10 MG .....	21	43
metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG .....	21	MIRCERA .....	51	mometasone furoate SOLN .....
metoprolol succinate TB24 200 MG 34		mirtazapine TABS 15 MG .....	13	43
metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG .....	34	mirtazapine TABS 30 MG .....	13	mometasone furoate SOLN .....
metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML .....	34	mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG 13		43
metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG .....	34	mirtazapine TBDP 15 MG .....	13	mometasone furoate SOLN .....
metronidazole (topical) CREA .....	44	mirtazapine TBDP 30 MG .....	13	43
metronidazole (topical) GEL 0.75 %		mirtazapine TBDP 45 MG .....	13	mometasone furoate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML .....
		misoprostol .....	67	5
		mitomycin SOLR IV 20 MG .....	27	morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML .....
		mitoxantrone hcl 2 MG/ML .....	27	5
		M-M-R II SOLR .....	70	morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML .....
		M-NATAL PLUS TABS .....	59	5
		modafinil 100 MG .....	2	morphine sulfate TABS 15 MG .....
		modafinil 200 MG .....	2	6
		MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP .....	70	morphine sulfate TABS 30 MG .....
				6
				morphine sulfate TBCR .....
				6
				MOTOFEN .....
				17
				MOVANTIK .....
				49
				moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP 61
				48
				moxifloxacin hcl in sodium chloride
				48

moxifloxacin hcl TABS .....	48	NATACYN .....	61	nevirapine SUSP .....	32
MOZOBIL (plerixafor) .....	52	NATAZIA .....	37	nevirapine TABS .....	32
MULPLETA .....	51	nateglinide .....	17	nevirapine TB24 100 MG .....	32
MULTI PRENATAL TABS .....	59	NAYZILAM .....	11	nevirapine TB24 400 MG .....	32
mupirocin OINT .....	40	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 34		NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium) .....	67
MVASI .....	25	nebivolol hcl 20 MG .....	34	NEXTSTELLIS .....	37
MYALEPT .....	47	NEBUSAL NEBU .....	39	niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..	20
mycophenolate mofetil CAPS .....	58	nefazodone hcl .....	14	niacin CPR 250 MG, 500 MG ....	71
mycophenolate mofetil TABS .....	58	nelarabine .....	25	niacin TABS .....	71
mycophenolate sodium .....	58	neomycin sulfate TABS .....	2	niacin TBCR .....	71
MYLERAN TABS .....	24	neomycin-bacitracin zn-polymyxin	61	NIACIN TR TBCR .....	71
MYLOTARG .....	25	neomycin-polymy-dexameth OINT	62	niacinamide TABS 100 MG .....	71
nabumetone .....	4	neomycin-polymy-dexameth SUSP	62	niacinamide TABS 500 MG .....	71
nadolol TABS 20 MG .....	34	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ..	62	nicardipine hcl CAPS .....	35
nadolol TABS 40 MG .....	34	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .	62	nicardipine hcl SOLN .....	35
nadolol TABS 80 MG .....	34	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP .	62	nicotine MISC XX .....	65
nafticillin sodium IV 10 GM .....	63	NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG- 27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG .....	59	nicotine polacrilex GUM .....	65
naftifine hcl CREA 1 % .....	40	NEONATAL PLUS TABS .....	59	nicotine polacrilex LOZG .....	65
naftifine hcl CREA 2 % .....	40	NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS .....	59	nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR .....	65
NAGLAZYME .....	47	NEONATAL VITAMIN TABS .....	59	NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT .....	65
nalbuphine hcl .....	7	neostigmine methylsulfate SOSY ..	23	NICOTROL INHALER INHA .....	65
naloxone hcl LIQD .....	17	NEO-SYNALAR .....	40	NICOTROL NS SOLN .....	65
naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML .....	17	NEUPRO .....	30	nifedipine CAPS 10 MG .....	35
naltrexone hcl .....	17	NEVANAC .....	62	nifedipine CAPS 20 MG .....	35
naproxen sodium TABS 550 MG ...	4			nifedipine TB24 60 MG .....	35
naproxen SUSP .....	4			nifedipine TB24 90 MG .....	35
naproxen TABS .....	4			nifedipine TB24 .....	35
naproxen TBEC 500 MG .....	4			nilutamide .....	26
naratriptan hcl .....	56				

nimodipine CAPS .....	35	norethindrone (contraceptive) .....	38	NOVOLIN R SOLN IJ .....	17
NINLARO .....	28	norethindrone acet & eth estra TABS	37	NOXAFIL SUSP (posaconazole) ..	18
NIPENT .....	29	norethindrone acetate TABS .....	64	NP THYROID 120 TABS .....	66
nisoldipine .....	35	norethindrone acetate-ethinyl		NP THYROID 15 TABS .....	66
nitazoxanide TABS .....	22	estradiol .....	48	NP THYROID 30 TABS .....	66
nitisinone CAPS .....	47	norethindrone acetate-ethinyl		NP THYROID 60 TABS .....	66
NITRO-BID OINT .....	8	estradiol-fe .....	37	NP THYROID 90 TABS .....	66
nitrofurantoin .....	22	norethindrone-eth estradiol (triphasic)		NUBEQA .....	26
nitrofurantoin macrocrystal 50 MG,		.....	37	NUCALA SOAJ .....	9
100 MG .....	22	norgestimate-ethinyl estradiol		NUCALA SOLR .....	9
nitrofurantoin monohyd macro .....	22	(triphasic) .....	37	NUCALA SOSY 100 MG/ML .....	9
nitroglycerin (intra-anal) .....	7	norgestimate-ethinyl estradiol .....	37	NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML .....	9
nitroglycerin CPR .....	8	norgestrel & ethinyl estradiol 30		NUCYNTA ER TB12 .....	6
nitroglycerin PT24 .....	8	MCG-0.3 MG .....	37	NUCYNTA TABS .....	6
NITROGLYCERIN SOLN IV .....	8	NORMOSOL-M/D5W .....	57	NUEDEXTA .....	65
nitroglycerin SUBL .....	8	NORMOSOL-R .....	57	NULOJIX .....	58
NIVA-PLUS TABS .....	59	nortriptyline hcl CAPS .....	15	nystatin (mouth-throat) .....	59
nizatidine CAPS .....	67	nortriptyline hcl SOLN .....	15	nystatin (topical) CREA .....	40
NORDITROPIN FLEXPLO SOPN 30		NORVIR CAPS .....	32	nystatin (topical) OINT .....	40
MG/3ML .....	47	NORVIR PACK .....	32	nystatin (topical) POWD EX .....	41
NORDITROPIN FLEXPLO SOPN 5		NORVIR SOLN .....	32	nystatin TABS .....	18
MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15		NORVIR TABS (ritonavir) .....	32	nystatin-triamcinolone CREA .....	41
MG/1.5ML .....	47	NOVA MAX PLUS KETONE		nystatin-triamcinolone OINT .....	41
norelgestromin-ethinyl estradiol .....	37	TESTSTRIPS .....	45	NYVEPRIA .....	51
norethin acet & estrad-fe CAPS ...	37	NOVAVAX COVID-19		octreotide acetate SOLN .....	48
norethin acet & estrad-fe CHEW ...	37	VACCINE/2024-25 SUSY .....	70	ODEFSEY .....	32
norethin acet & estrad-fe TABS 1		NOVOEIGHT .....	50	ODOMZO .....	26
MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30		NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16	OFEV .....	65
MCG-75 MG .....	37	NOVOLIN 70/30 SUSP .....	16	ofloxacin (ophth) .....	61
norethindrone & eth estradiol .....	37	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN .....	16	ofloxacin (otic) .....	62
norethindrone & ethinyl estradiol-fe		NOVOLIN N SUSP .....	16		
37		NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	16		

ofloxacin 300 MG, 400 MG .....	48	ondansetron hcl TABS 8 MG .....	18	MG/20ML .....	24
OGIVRI .....	25	ondansetron TBDP 4 MG .....	18	oxandrolone .....	7
olanzapine SOLR .....	31	ondansetron TBDP 8 MG .....	18	oxaprozin TABS .....	4
olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	31	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	59	oxazepam CAPS .....	8
olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG .....	31	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS .....	59	OXBRYTA TABS 500 MG .....	51
olanzapine TBDP 20 MG .....	31	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE .....	55	oxcarbazepine SUSP .....	12
olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG .....	31	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G .....	55	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG .....	12
olmesartan medoxomil .....	20	ONETOUCH VERIO LEVEL 4 CONTROL SOLUTION LIQD .....	55	oxcarbazepine TABS 600 MG .....	12
olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide .....	21	ONIVYDE .....	29	oxiconazole nitrate CREA .....	41
olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide .....	21	OPDIVO 40 MG/4ML, 100 MG/10ML, 240 MG/24ML .....	25	OXISTAT LOTN .....	41
olopatadine hcl (nasal) .....	60	OPILL .....	38	oxybutynin chloride SOLN .....	67
olopatadine hcl 0.1 % .....	62	OPSUMIT .....	36	oxybutynin chloride TABS 5 MG ..	67
olopatadine hcl 0.2 % .....	62	ORENITRAM TBCR .....	35	oxybutynin chloride TB24 .....	67
omega-3-acid ethyl esters .....	19	ORILISSA .....	47	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG .....	6
omeprazole CPDR .....	67	ORKAMBI PACK .....	65	oxycodone hcl TABA .....	6
omeprazole magnesium CPDR ....	67	ORKAMBI TABS .....	65	oxycodone hcl TABS .....	6
omeprazole TBEC .....	67	ORLADEYO .....	50	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG .....	7
omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG .....	67	orphenadrine citrate TB12 .....	60	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG .....	7
OMNIFLEX DIAPHRAGM .....	54	oseltamivir phosphate CAPS .....	34	oxymorphone hcl TABS .....	6
ONCASPAR .....	28	oseltamivir phosphate SUSR .....	34	oxymorphone hcl TB12 40 MG .....	6
ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 17		OSMOPREP .....	52	oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG	6
ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML .....	17	OSPHENA .....	47	OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML .....	16
ondansetron hcl SOSY .....	17	OTEZLA TABS .....	4	OZEMPIC SOPN .....	16
ondansetron hcl TABS 24 MG .....	17	OTEZLA TBPK .....	4	paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML .....	29
ondansetron hcl TABS 4 MG .....	17	oxacillin sodium IV 10 GM .....	63	paclitaxel 6 MG/ML, 30 MG/5ML, 300 MG/50ML .....	29
		oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100			

paclitaxel protein-bound particles .29	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid .....52	permethrin LIQD EX ..... 44
paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG .30	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM .....52	perphenazine TABS ..... 31
paliperidone 6 MG ..... 30	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride .....52	perphenazine-amitriptyline .....64
palonosetron hcl SOLN ..... 18	PEGASYS SOLN ..... 33	PERSERIS PRSY ..... 30
pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML .....46	PEGASYS SOSY ..... 33	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP ..... 70
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 46	PEMAZYRE .....28	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP ..... 70
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT .....45	pemetrexed disodium SOLR 100 MG 25	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP 70
PANRETIN ..... 41	pemetrexed disodium SOLR 500 MG 25	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2024-25 SUSP 70
pantoprazole sodium TBEC 20 MG 67	penciclovir .....42	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP .....70
pantoprazole sodium TBEC 40 MG 67	penicillamine CAPS .....58	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP .....70
paricalcitol CAPS .....47	penicillamine TABS ..... 58	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP .....70
paricalcitol SOLN .....47	penicillin g potassium 5000000 UNIT 63	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP ..70
paroxetine hcl SUSP .....14	PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML .....63	PHEBURANE PLLT .....47
paroxetine hcl TABS 10 MG ..... 14	PENICILLIN G PROCAINE ..... 63	phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG ..... 50
paroxetine hcl TABS 20 MG ..... 14	penicillin g sodium .....63	phendimetrazine tartrate TABS ..... 1
paroxetine hcl TABS 30 MG ..... 14	penicillin v potassium SOLR .....63	phenelzine sulfate .....13
paroxetine hcl TABS 40 MG ..... 14	penicillin v potassium TABS ..... 63	phenobarbital ELIX .....52
paroxetine hcl TB24 12.5 MG .....14	pentazocine w/ naloxone hcl ..... 7	phenobarbital TABS ..... 52
paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG .....14	pentoxifylline .....50	phenoxybenzamine hcl .....20
PASER PACK .....23	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG .20	phentermine hcl CAPS .....1
pazopanib hcl .....28	perindopril erbumine 4 MG ..... 20	phenytoin CHEW .....13
pediatric multivitamins w/fl CHEW .59	PERJETA .....25	
	permethrin CREA ..... 44	





PHOSPHATE .....	62	ANDMINERAL TABS .....	59	prochlorperazine .....	31
prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML 38		PRENATAL TABS .....	60	prochlorperazine maleate TABS ...	31
prednisolone sodium phosphate TBDP .....	38	PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABs .....	59	PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML .....	51
prednisolone SOLN .....	38	PRENATAL VITAMIN TABS .....	60	PROCRIT 40000 UNIT/ML .....	51
prednisolone TABS .....	38	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	59	PRODIGY CONTROL SOLUTIONHIGH SOLN .....	55
prednisone SOLN .....	38	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS .....	59	progesterone CAPS .....	64
prednisone TABS 1 MG, 5 MG ....	38	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG- 4000 UNIT-30 UNIT .....	60	PROGRAF PACK .....	58
prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG .....	38	PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG- 4000 UNIT-30 UNIT .....	60	PROGRAF SOLN .....	58
prednisone TBPK .....	38	PRENATRYL TABS .....	60	PROLASTIN-C SOLN .....	65
pregabalin (once-daily) 330 MG ...	65	PREVJAR 13 .....	68	PROLEUKIN .....	29
pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG .....	65	PREVJAR 20 .....	68	PROLIA SOSY .....	46
pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12		PREZCOBIX .....	32	PROMACTA PACK .....	51
pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	12	PREZISTA SUSP .....	32	PROMACTA TABS .....	51
pregabalin SOLN .....	12	PREZISTA TABS (darunavir) .....	32	promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML .....	19
PREHEVBRIO .....	70	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG .....	32	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG .....	19
PREMARIN .....	71	PREZISTA TABS 800 MG (darunavir) .....	32	promethazine hcl SUPP 50 MG ...	19
PREMARIN SOLR .....	48	PRIFTIN .....	23	promethazine hcl TABS .....	19
PREMARIN TABS .....	48	primaquine phosphate TABS .....	23	propafenone hcl CP12 .....	9
PREMPHASE .....	48	primidone 50 MG, 250 MG .....	12	propafenone hcl TABS .....	9
PREMPRO .....	48	PRIORIX SUSR .....	70	proparacaine hcl .....	61
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS 59		probenecid .....	50	propranolol hcl CP24 .....	34
PRENATAL ONE DAILY TABS ....	59	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 8		propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML .....	34
PRENATAL PLUS TABS .....	59			propranolol hcl TABS .....	34
PRENATAL PLUS VITAMIN				propylthiouracil .....	66
				protriptyline hcl .....	15
				PULMICORT FLEXHALER AEPB .	10

PULMOZYME .....	65	FORMULA/FOLICACID TABS .....	60	RELION KETONE TEST STRIPS STRP .....	45
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS .....	60	RA PRENATAL TABS .....	60	RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP .....	45
pyrazinamide .....	23	rabeprazole sodium TBEC .....	67	RENFLXIS .....	49
pyridostigmine bromide SOLN OR	23	raloxifene hcl .....	47	repaglinide 0.5 MG, 1 MG .....	17
pyridostigmine bromide TABS 60 MG .....	23	ramelteon .....	52	repaglinide 2 MG .....	17
pyridostigmine bromide TBCR .....	23	ramipril CAPS .....	20	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT .....	20
pyrimethamine .....	23	ranitidine hcl TABS 150 MG .....	67	REPATHA SOSY .....	20
QC PRENATAL TABS .....	60	ranolazine TB12 1000 MG .....	8	REPATHA SURECLICK SOAJ .....	20
QINLOCK .....	28	ranolazine TB12 500 MG .....	8	RETACRIT .....	51
QUADRACEL SUSP .....	66	rasagiline mesylate .....	30	RETEVMO CAPS .....	28
QUADRACEL SUSY .....	66	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC .....	54	RETROVIR CAPS (zidovudine) ...	33
quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG .....	31	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI .....	54	RETROVIR IV INFUSION SOLN ..	32
quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG .....	31	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 54		RETROVIR SYRP (zidovudine) ...	33
quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG .....	31	REBIF REBIDOSE SOAJ .....	65	REXULTI .....	31
quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG .....	31	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ .....	65	REYATAZ CAPS 200 MG (atazanavir sulfate) .....	33
quinapril hcl 20 MG, 40 MG .....	20	REBIF SOSY .....	65	REYATAZ CAPS 300 MG (atazanavir sulfate) .....	33
quinapril hcl 5 MG, 10 MG .....	20	REBIF TITRATION PACK SOSY .....	65	REYATAZ PACK .....	33
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG .....	21	RECOMBIVAX HB SUSP .....	70	ribavirin (hepatitis c) CAPS .....	34
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG .....	21	RECOMBIVAX HB SUSY .....	70	ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 34	
quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG- 20 MG .....	21	RECTIV (nitroglycerin (intra-anal))	7	RIDAURA .....	3
quinidine sulfate TABS .....	8	REGRANEX .....	44	rifabutin .....	23
quinine sulfate CAPS 324 MG .....	23	RELENZA DISKHALER .....	34	rifampin CAPS .....	23
QVAR REDIHALER .....	10	RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G .....	55	rifampin SOLR .....	24
RA PRENATAL		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G .....	55	RIGHTEST GC300 HIGH CONTROL LIQD .....	55
		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G .....	55	riluzole TABS .....	61

rimantadine hydrochloride TABS .. 34	ROXYBOND TABA 15 MG, 30 MG . 6	selenium sulfide LOTN 2.5 % ..... 42
ringer's ..... 57	ROZLYTREK CAPS ..... 28	SELZENTRY SOLN ..... 33
ringer's irrigation ..... 58	RUBRACA ..... 28	SELZENTRY TABS 150 MG (maraviroc) ..... 33
RINVOQ TB24 ..... 2	rufinamide SUSP ..... 12	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG 33
risedronate sodium TABS 150 MG 46	rufinamide TABS 200 MG ..... 12	SELZENTRY TABS 300 MG (maraviroc) ..... 33
risedronate sodium TABS 35 MG . 46	RUKOBIA ..... 33	SEREVENT DISKUS ..... 10
risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG ..... 46	RUXIENCE ..... 25	sertraline hcl CONC ..... 14
risedronate sodium TBEC ..... 46	RYBELSUS TABS ..... 16	sertraline hcl TABS 100 MG ..... 14
RISPERDAL CONSTA (risperidone microspheres) ..... 30	salsalate ..... 5	sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG 14
risperidone microspheres ..... 30	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT .48	sevelamer carbonate PACK ..... 49
risperidone SOLN ..... 30	SANTYL OINT ..... 44	sevelamer carbonate TABS ..... 49
risperidone TABS ..... 30	sapropterin dihydrochloride PACK .47	SHINGRIX ..... 70
risperidone TBDP ..... 30	sapropterin dihydrochloride TABS .47	SIGNIFOR ..... 48
ritonavir TABS ..... 33	SAVELLA TABS ..... 64	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN ..... 36
rivastigmine tartrate CAPS ..... 64	SAVELLA TITRATION PACK MISC 64	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR ..... 36
rizatriptan benzoate TABS 10 MG .56	saxagliptin hcl ..... 16	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS ..... 36
rizatriptan benzoate TABS 5 MG .. 56	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG- 2.5 MG ..... 15	sildenafil citrate ..... 35
rizatriptan benzoate TBDP 10 MG .56	saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG ..... 15	silodosin ..... 50
rizatriptan benzoate TBDP 5 MG .. 56	SCEMBLIX 100 MG ..... 28	silver sulfadiazine ..... 42
roflumilast ..... 9	SCEMBLIX 20 MG ..... 28	SIMPONI ARIA SOLN ..... 3
romidepsin SOLR ..... 28	SCEMBLIX 40 MG ..... 28	SIMULECT ..... 58
ropinirole hydrochloride TABS ..... 30	scopolamine ..... 18	simvastatin TABS ..... 20
ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG ..... 30	SELECT INSULIN SYRINGES ... 56	sirolimus TABS ..... 58
ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG ..... 30	SELECT LANCETS ..... 55	SIRTURO ..... 24
rosuvastatin calcium TABS ..... 20	selegiline hcl CAPS ..... 30	SIVEXTRO TABS ..... 22
ROTARIX SUSP ..... 70	selegiline hcl TABS ..... 30	
ROTARIX SUSR ..... 70		

SKYRIZI PEN SOAJ .....	41	SOLU-CORTEF 250 MG .....	38	stavudine CAPS .....	33
SKYRIZI PSKT .....	41	SOLU-MEDROL 2 GM .....	38	STELARA 130 MG/26ML .....	49
SKYRIZI SOCT .....	49	SOLUS V2 CONTROL HIGH SOLN		STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	41
SKYRIZI SOLN .....	49	55		STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	42
SKYRIZI SOSY .....	41	SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG .		STELARA SOSY 90 MG/ML .....	41
SLYND .....	38	47		STENDRA .....	35
SM PRENATAL VITAMINS TABS .	60	sorafenib tosylate .....	28	STIMATE SOLN NA .....	48
SODIUM ACETATE SOLN (sodium		SORBITOL 3 % .....	49	STIOLTO RESPIMAT .....	10
acetate) .....	57	SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION		STIVARGA .....	28
sodium acetate SOLN .....	57	.....	49	STRENSIQ .....	47
sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	49	sotalol hcl (afib/af) .....	34	streptomycin sulfite SOLR .....	2
sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %		sotalol hcl TABS 240 MG .....	34	STRIBILD .....	33
.....	39	sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG,		STRIVERDI RESPIMAT .....	10
sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9		160 MG .....	34	SUBSYS LIQD 100 MCG .....	6
%, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 % .....	58	SPIKEVAX COVID-19 VACCINE		SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG,	
sodium citrate & citric acid .....	49	SUSP .....	70	600 MCG .....	6
sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5		SPIKEVAX COVID-19		SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200	
MG, 1 MG, 2.2 MG .....	57	VACCINE/2023-24 SUSP .....	70	MCG, 1600 MCG .....	6
sodium phenylbutyrate POWD ....	47	SPIKEVAX COVID-19		sucalfate SUSP .....	67
sodium phenylbutyrate TABS .....	47	VACCINE/2023-24 SUSY .....	70	sucalfate TABS .....	67
sodium polystyrene sulfonate POWD		SPIKEVAX COVID-19		sulconazole nitrate CREA .....	41
58		VACCINE/2024-25 SUSY .....	70	sulconazole nitrate SOLN .....	41
sodium polystyrene sulfonate SUSP		spinosad .....	44	sulfacetamide sodium (acne) .....	40
OR 15 GM/60ML .....	58	SPIRIVA HANDIHALER CAPS		sulfacetamide sodium (ophth) SOLN .	61
sodium sulfate-potassium sulfate-		(tiotropium bromide monohydrate) ..	9	sulfacetamide sodium w/ sulfur	
magnesium sulfate .....	52	SPIRIVA RESPIMAT AERS .....	9	CREA 10 %-5 % .....	40
SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS		.....	9	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD	
.....	34	spironolactone & hydrochlorothiazide		10 %-5 % .....	40
solifenacin succinate TABS .....	67	.....	46	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD	
SOLQUA 100/33 .....	15	spironolactone TABS .....	46	9 %-4.5 % .....	40
SOLOSEC .....	2	SPRAVATO 56MG DOSE .....	14	sulfacetamide sodium w/ sulfur in urea	
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG,		SPRAVATO 84MG DOSE .....	14		
1000 MG .....	38	SPRYCEL (dasatinib) .....	28		
		stannous fluoride CONC .....	59		

vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	40	tenofovir disoproxil fumarate)	33	TASIGNA 50 MG	28
sulfacetamide sod-prednisolone SOLN	62	SYMFI LO (efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate)	33	TASMAR (tolcapone)	30
sulfadiazine TABS	65	SYMTUZA	33	tavaborole	41
sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	22	SYNAREL	47	TAVALISSE	50
sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	22	SYNERA PTCH	44	tazarotene CREA 0.1 %	42
sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	22	SYNJARDY TABS	15	TAZVERIK	28
SULFAMYLON CREA	42	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15	TECENTRIQ 1200 MG/20ML	25
sulfasalazine TABS	49	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	15	TEFLARO	37
sulfasalazine TBEC	49	SYNRIBO	29	TEGRETOL SUSP (carbamazepine)	12
sulindac TABS	4	SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	66	TEGRETOL TABS (carbamazepine)	12
sumatriptan	56	TABLOID	25	TEGSEDI	65
sumatriptan succinate SOAJ	56	TABRECTA	28	telmisartan	20
sumatriptan succinate SOCT	56	tacrolimus (topical) OINT	44	telmisartan-amlodipine	21
sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	56	tacrolimus CAPS	58	telmisartan-hydrochlorothiazide	21
sumatriptan succinate TABS	56	tadalafil (pulmonary hypertension) TABS	36	temazepam 15 MG, 30 MG	52
sumatriptan-naproxen sodium	56	tadalafil 5 MG	35	temazepam 7.5 MG, 22.5 MG	52
sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	28	TAFINLAR CAPS	28	TEMODAR SOLR	24
sunitinib malate 37.5 MG	28	tafluprost	62	temozolomide CAPS	24
SUNLENCA TBPK	33	TAGRISSO 40 MG	26	temsirolimus	28
SUNOSI 150 MG	1	TAGRISSO 80 MG	26	tenofovir disoproxil fumarate TABS	33
SUNOSI 75 MG	1	TAKHZYRO SOLN	50	TEPADINA 100 MG (thiotepa)	24
SUSTIVA CAPS 200 MG (efavirenz)	33	TAKHZYRO SOSY	50	terazosin hcl	20
SUSTIVA CAPS 50 MG (efavirenz)	33	TALZENNA	28	terbinafine hcl TABS	18
SUSTIVA TABS (efavirenz)	33	tamoxifen citrate TABS	26	terbutaline sulfate SOLN	10
SYMFI (efavirenz-lamivudine-		tamsulosin hcl	50	terbutaline sulfate TABS	10
		TASIGNA 150 MG, 200 MG	28	terconazole vaginal CREA	71
				terconazole vaginal SUPP	71
				teriflunomide	65

teriparatide (recombinant) SOPN ..46	timolol maleate TABS .....35	topotecan hcl SOLR ..... 29
TERIPARATIDE SOPN .....46	tiopronin TBEC 100 MG ..... 50	toremifene citrate .....26
TESTOSTERONE CYPIONATE	tiopronin TBEC 300 MG ..... 50	torseamide TABS ..... 46
SOLN IJ 200 MG/ML .....7	tiotropium bromide monohydrate	TRACLEER TBSO .....36
testosterone cypionate SOLN IM ... 7	CAPS .....9	tramadol hcl TABS 50 MG ..... 6
testosterone enanthate SOLN IM ...7	TIVICAY PD TBSO ..... 33	tramadol hcl TB24 .....6
tetrabenazine .....64	TIVICAY TABS .....33	tramadol-acetaminophen .....7
tetracycline hcl CAPS .....66	tizanidine hcl CAPS .....60	trandolapril 1 MG, 2 MG ..... 20
THALOMID .....58	tizanidine hcl TABS .....60	trandolapril 4 MG ..... 20
theophylline ELIX ..... 10	tobramycin (ophth) SOLN .....61	trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2
theophylline SOLN .....10	tobramycin NEBU ..... 2	MG, 240 MG-1 MG ..... 21
theophylline TB12 .....10	tobramycin sulfate SOLN IJ 10	trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2
theophylline TB24 .....11	MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML ...2	MG, 240 MG-4 MG ..... 21
THERANATAL CORE NUTRITION	tobramycin-dexamethasone SUSP	tranexamic acid SOLN 1000
TABS .....60	62	MG/10ML ..... 52
THIOLA EC TBEC 100 MG	TODAY SPONGE MISC .....71	tranexamic acid TABS ..... 52
(tiopronin) ..... 50	tolcapone .....30	tranylcypromine sulfate .....13
THIOLA EC TBEC 300 MG	tolmetin sodium CAPS ..... 4	travoprost SOLN .....62
(tiopronin) ..... 50	tolmetin sodium TABS 600 MG .... 4	TRAZIMERA ..... 25
thioridazine hcl ..... 31	TOLSURA CAPS .....18	trazodone hcl TABS .....14
thiotepa 100 MG .....24	tolterodine tartrate CP24 .....67	TRECTOR ..... 24
thiotepa 15 MG .....24	tolterodine tartrate TABS .....67	TRELEGY ELLIPTA .....10
thiothixene .....31	tolvaptan TABS ..... 48	TRELSTAR MIXJECT .....26
THYMOGLOBULIN .....58	topiramate CPSP 15 MG .....13	TREMFYA SOPN .....42
THYROGEN 0.9 MG .....45	topiramate CPSP 25 MG .....13	TREMFYA SOSY 100 MG/ML ....42
tiagabine hcl ..... 13	topiramate CS24 ..... 13	treprostinil SOLN IJ ..... 35
TIBSOVO .....28	topiramate TABS 200 MG ..... 13	tretinoin (chemotherapy) ..... 29
TICE BCG .....29	topiramate TABS 25 MG, 100 MG .13	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1
tigecycline .....66	topiramate TABS 50 MG .....13	% ..... 40
timolol maleate (ophth) SOLG .....61	topotecan hcl SOLN ..... 29	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 % .... 40
timolol maleate (ophth) SOLN .....61	TOPOTECAN HCL SOLN ..... 29	tretinoin microsphere 0.1 % ..... 40

TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG .....	25	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG .....	15	TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDED MISC .....	54
triamcinolone acetonide (mouth) ..	59	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG .....	15	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC .....	54
triamcinolone acetonide (nasal) AERO .....	60	TRIKAFTA TBPK .....	65	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC .....	54
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 % .....	43	trimethobenzamide hcl CAPS .....	18	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC .....	54
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 % .....	43	trimethoprim TABS .....	22	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC .....	54
triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 % .....	43	trimipramine maleate CAPS .....	15	TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC .....	54
triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 % .....	44	TRINTELLIX .....	14	TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDED MISC .....	54
triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 % .....	43	TRIUMEQ PD TBSO .....	33	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC ..	54
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 % .....	44	TRIUMEQ TABS .....	33	TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC .....	54
triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 % .....	44	TRIZIVIR .....	33	TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC .....	54
triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML .....	38	tropicamide SOLN 0.5 % .....	61	TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC .....	54
triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG .....	46	tropicamide SOLN 1 % .....	61	TRUVADA (emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate) .....	33
triamterene & hydrochlorothiazide TABS .....	46	trospium chloride CP24 .....	67	TRUXIMA .....	25
triamterene CAPS .....	46	trospium chloride TABS .....	67	TUKYSA .....	25
triazolam .....	52	TRUE COVER DEVI .....	54	TURALIO .....	28
TRICARE TABS .....	60	TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP ..	45	TUZISTRA XR .....	39
trientine hcl 250 MG .....	58	TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN .....	55	TWINRIX SUSY .....	70
trifluoperazine hcl TABS .....	31	TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP ..	45	TWIRLA .....	37
trifluridine .....	61	TRULICITY .....	16	TYBLUME CHEW .....	37
trihexyphenidyl hcl SOLN .....	29	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC .....	54	TYBOST .....	33
trihexyphenidyl hcl TABS .....	29	TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC .....	54	TYMLOS .....	46
		TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC .....	54	TYVASO REFILL KIT SOLN IN ...	35
		TRUSTEX LUBRICATED MISC ...	54		



TYVASO SOLN IN .....	35	vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG .....	22	vigabatrin PACK .....	13
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	35	vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML	22	vigabatrin TABS .....	13
UBRELVY .....	56	VAQTA .....	70	VIIBRYD STARTER PACK KIT	14
UCERIS (budesonide (intrarectal))	7	varenicline tartrate TABS .....	65	vilazodone hcl TABS .....	14
UDENYCA ONBODY SOSY .....	51	varenicline tartrate TBPK .....	65	vincristine sulfate .....	29
UDENYCA SOAJ .....	51	VARIVAX INJ .....	70	vinorelbine tartrate 10 MG/ML	29
UDENYCA SOSY .....	51	VARUBI TBPK .....	18	vinorelbine tartrate 50 MG/5ML	29
UNISTRIP CONTROL SOLUTIONHIGH SOLN	56	VAXNEUVANCE .....	68	VIRACEPT TABS 250 MG .....	33
UPTRAVI TABS 200 MCG .....	36	VECAMEYL .....	21	VIRACEPT TABS 625 MG .....	33
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	36	VECTIBIX 100 MG/5ML .....	26	VIREAD POWD .....	33
UPTRAVI TITRATION PACK TBPK 36		VECTIBIX 400 MG/20ML .....	26	VIREAD TABS (tenofovir disoproxil fumarate) .....	33
ursodiol CAPS .....	49	VELPHORO .....	49	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG .....	33
ursodiol TABS .....	49	venlafaxine hcl CP24 150 MG	15	VISTOGARD .....	17
UVADEX .....	29	venlafaxine hcl CP24 37.5 MG	15	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	71
valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG	34	venlafaxine hcl CP24 75 MG	14	VITATHELY/GINGER TABS	60
valacyclovir hcl 500 MG .....	34	venlafaxine hcl TABS .....	15	VITRAKVI CAPS .....	28
valganciclovir hcl TABS .....	33	venlafaxine hcl TB24 150 MG	15	VITRAKVI SOLN .....	28
valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML, 500 MG/10ML	13	venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG .....	15	VIVIMUSTA SOLN .....	24
valproic acid CAPS .....	13	VENOFER .....	52	VIZIMPRO .....	26
valrubicin .....	27	verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG .....	35	VORAXAZE .....	29
valsartan TABS .....	20	verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG	35	voriconazole TABS .....	18
valsartan-hydrochlorothiazide	21	verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML	35	VOSEVI .....	34
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	11	verapamil hcl TABS .....	35	VOTRIENT (pazopanib hcl)	28
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	12	verapamil hcl TBCR .....	35	VYNDAMAX .....	36
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	12	VEREGEN .....	40	VYNDAQEL .....	36
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	12	VERZENIO .....	28	VYVANSE CAPS .....	1
vancomycin hcl CAPS .....	22	VICTOZA (liraglutide) .....	16	VYXEOS .....	27
				warfarin sodium TABS .....	11
				water for irrigation, sterile	58

WESTAB PLUS TABS .....	60	propanediol-metformin hcl) .....	16	ZANOSAR .....	24
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60 .....	54	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG .....	16	ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65 .....	54	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG .....	16	ZARXIO .....	51
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70 .....	54	XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML .....	9	ZEJULA CAPS .....	28
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75 .....	54	XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML .....	9	ZEJULA TABS 100 MG .....	28
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80 .....	54	XOLAIR SOLR .....	9	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG .	28
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85 .....	54	XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML .....	9	ZELBORAF .....	28
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90 .....	54	XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML .....	9	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT .....	45
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95 .....	54	XPOVIO .....	26	ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT .....	45
XALKORI CAPS .....	28	XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 26		ZIAGEN SOLN (abacavir sulfate) .	33
XARELTO STARTER PACK TBPK 11		XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 26		ZIAGEN TABS (abacavir sulfate) .	33
XARELTO SUSR .....	11	XTAMPZA ER .....	6	zidovudine CAPS .....	33
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	11	XTANDI CAPS .....	26	zidovudine SYRP .....	33
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	11	XTANDI TABS 40 MG .....	26	zidovudine TABS .....	33
XELJANZ SOLN .....	3	XTANDI TABS 80 MG .....	26	ZIEXTENZO .....	51
XELJANZ TABS 10 MG .....	3	XULTOPHY 100/3.6 .....	16	zileuton TB12 .....	9
XELJANZ TABS 5 MG .....	3	XYNTHA .....	50	ziprasidone hcl .....	30
XELJANZ XR TB24 .....	3	XYNTHA SOLOFUSE .....	50	ZIRABEV .....	25
XEOMIN .....	61	YERVOY .....	25	ZIRGAN GEL .....	61
XGEVA SOLN .....	46	YONDELIS .....	24	ZOLADEX 10.8 MG .....	26
XHANCE EXHU .....	60	YONSA .....	26	ZOLADEX 3.6 MG .....	26
XIFAXAN 200 MG .....	22	zafirlukast .....	9	zoledronic acid CONC .....	46
XIFAXAN 550 MG .....	22	zaleplon 10 MG .....	52	zoledronic acid SOLN .....	46
XIGDUO XR (dapagliflozin		zaleplon 5 MG .....	52	ZOLINZA .....	28
		ZALTRAP 100 MG/4ML .....	25		

zolmitriptan SOLN .....	57
zolmitriptan TABS .....	57
zolmitriptan TBDP .....	57
zolpidem tartrate TABS .....	52
zolpidem tartrate TBCR .....	52
zonisamide CAPS .....	13
ZONTIVITY .....	51
ZORBTIVE SC .....	47
ZYDELIG .....	28
ZYLET .....	62

